

PHÁP HOA LUẬN SỚ

QUYỂN TRUNG

PHẨM PHƯƠNG

TIỆN

Y theo tên thứ mười ba trong mười bảy tên của luận thì tất cả Chư Phật đều có đại xảo phương tiện kinh. Dựa vào pháp môn này mà thành đại Bồ-đề, rồi nói pháp trời, người Hai thừa cho chúng sinh, nghe gọi là đại xảo phương tiện. Nên gọi là Phẩm Phương Tiện. Lại v.v... trở xuống là luận nói Phật có bảy thứ phương tiện, nên gọi là Phẩm Phương Tiện. Y v.v...trở xuống đến cuối luận là Luận chủ chia phương tiện thành năm đoạn. Một là nói pháp mâu công đức; Hai là nói Như lai Pháp Sư công đức của Như lai; Ba là nói đại chúng ba nghĩa; Bốn là nói Như lai bốn nghĩa; Năm là giải thích bốn nghi ngờ. Văn có hai: Trước là nhắc lại kinh, sau là giải thích luận. Văn kinh đã dài, nay trước chia khoa, sau đó lấy ra giải thích luận. Y theo luận chia khoa kinh làm ba, một là nói về Như lai khởi định.

Phẩm Phương Tiện: kinh chép: Bảy giờ, Đức Thế tôn nhập Tam-muội sâu xa chính niệm bất động, dùng trí như thật quan xuất định một cách khoan thai xuất. Định rồi, bảo Xá-lợi-phất trở xuống là thứ hai nêu người đối đương.

Xuất định rồi, bảo Xá-lợi-phất: Từ trí tuệ Chư Phật trở xuống thứ ba nói về hai thứ công đức: Một là pháp mâu công đức; Hai là Pháp Sư công đức, nói hai thứ công đức tức hai. Chương đầu có hai một là nói chung nội chứng sâu xa, A-hàm sâu xa.

Có Trí tuệ Chư Phật sâu xa, vô lượng môn trí tuệ ấy, khó thấy, khó giác, khó biết, khó giải, khó nhập. Như lai sở chứng của tất cả Thanh Văn Bích-chi Phật v.v...không thể biết được. Từ đâu biết được? V.v... trở xuống thứ hai nói riêng A-hàm sâu xa, lại chia ra tám khác nhau. Đầu tiên là nói thọ trì, đọc tụng sâu xa.

Vì sao? Nầy Xá-lợi-phất vì! Như lai Ứng Chính Biến Tri đã từng gần gũi cúng dường vô lượng trăm nghìn muôn ức vô số Chư Phật Đối.

Với các Đức Phật v.v...trở xuống là thứ hai nói tu hành sâu xa.

Các Đức Phật đều tu hành pháp A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, Xá-lợi-phất Như lai đã đối với v.v...trở xuống là thứ ba nói quả hành sâu xa.

Xá-lợi-phất! Như lai đã tinh tiến mạnh mẽ, sở tác thành tựu, trong vô lượng trăm nghìn muôn ức na-do tha-kiếp. Tên gọi là Phổ Văn v.v...trở xuống, là thứ tư nói về thêm lớn công đức v.v...sâu xa.

Gọi là Phổ văn, này Xá-lợi-phất! Như lai rất ráo v.v...trở xuống là. Thứ năm nói quyết diệu sự tâm sâu xa, Xá-lợi-phất! Như lai rất ráo thành tựu pháp ít có, đó là pháp khó hiểu của Xá-lợi-phất. Điều thứ sáu nói Vô thượng sâu xa.

Pháp khó hiểu của Xá-lợi-phất Như lai có khả năng biết được. Pháp khó hiểu của Xá-lợi-phất đã xong. V.v...trở xuống: là thứ bảy nói về nhập sâu xa.

Pháp khó hiểu của Xá-lợi-phất, chư Phật Như lai tùy nghi nói ý thú khó hiểu. Tất cả Thanh Văn Bích chi Phật v.v...trở xuống thứ tám nói việc trú trì không làm chung với Hai thừa sâu xa.

Tất cả Thanh Văn, Bích-chi-phật đều không thể biết được, vì sao Xá-lợi-phất v.v...trở xuống? Là thứ hai nói công đức của Pháp Sư Như lai. Pháp mâu công đức là tự đức công của Phật. Công đức Pháp Sư là đức hóa tha của Phật, lại chia làm hai: một là nói chung Pháp Sư công đức vì sao Xá-lợi-phất vì, Chư Phật, Như lai tự lại nói nhân thành tựu? Từ Xá-lợi-phất v.v...trở xuống là nói riêng về Pháp Sư công đức. Trong đó có hai: một là nói sơ lược Như lai có bốn công đức, đều là Pháp Sư. Thứ hai là nói rộng bốn thứ công đức, đầu tiên cũng là nêu chương môn, thứ hai là giải thích chương môn.

Xá-lợi-phất! Như lai thành tựu các thứ phương tiện, các thứ tri kiến, các thứ quán niệm, các thứ ngôn từ.

Nổi bốn công đức: một là các thứ phương tiện y theo trụ công đức. Các thứ tri kiến đây là thứ hai, giáo hóa công đức. Các thứ quán niệm nói thành tựu công đức cuối cùng. Các thứ ngôn từ v.v...trở xuống thứ tư nói về công đức. Xá-lợi-phất ta từ thành Phật đến nay v.v...trở xuống là thứ hai nói rộng bốn thứ công đức, giải thích bốn chương môn, là bốn khác nhau, thứ nhất trước nói rộng an trú công đức.

Xá-lợi-phất từ khi thành Phật đến nay đã ở mọi nơi mọi chỗ, giảng rộng ngôn giáo, vô số phương liên dẫn dắt chúng sinh ở mọi chỗ, khiến chúng sinh được giải thoát. Xá-lợi-phất tri kiến v.v...trở xuống là thứ hai giáo hóa công đức

Xá-lợi-phất! tri kiến phương tiện của Như lai là đến bờ bên kia. Xá-lợi-phất! Như lai tri kiến rộng lớn v.v..., trở xuống là thứ ba, rốt ráo thành tựu công đức.

Xá-lợi-phất! Như lai tri kiến rộng lớn, sâu xa vô chướng, vô ngại lực, không sợ, cần lực bất cộng pháp Bồ-đề phân, thân định giải thoát Tam-muội Tam-ma Bồ-đề, đều đã đầy đủ. Lần Xá-lợi-phất! Chư Phật Như lai thâm nhập, nói rộng các công đức cho đệ tử nghe. Y theo văn lại mở ra bảy thứ khác là có bảy lần Xá-lợi-phất. Thứ nhất là nói các thứ giải thích thành tựu. Xá-lợi-phất! chư Phật, Như lai thâm nhập vô tế thành tựu tất cả, không hề có thật pháp. Xá-lợi-phất! Như lai trở xuống là thứ hai nói riêng về ngôn ngữ thành tựu.

Xá-lợi-phất! Như lai có khả năng phân biệt các thứ xảo thuyết, các pháp ngôn từ, mềm mỏng, làm vui lòng chúng sinh. Hãy thôi Xá-lợi-phất trở xuống là. Thứ ba nói về tướng thành tựu. Thôi Xá-lợi-phất không nên nói nữa. Nay Xá-lợi-phất! Chỗ thành tựu của Như lai v.v... trở xuống là. Điều thứ tư nói về sự thành tựu. Xá-lợi-phất thành tựu pháp ít có có hiểu bậc nhất. Xá-lợi-phất, chỉ có Phật và Phật trở xuống. Thứ năm nói về vô lượng chủng thành tựu.

Xá-lợi-phất! chỉ có nói pháp Phật và Phật v.v..., Chư Phật Như lai có khả năng biết được tướng thật của pháp đó, Xá-lợi-phất! Chỉ có Phật, Như lai trở xuống là. Thứ sáu hiểu rõ giác thể của thành tựu.

Xá-lợi-phất chỉ có Phật Như lai biết được các thứ pháp.

Xá-lợi-phất! Chỉ có Phật nói được v.v... trở xuống là. Thứ bảy nói về thuận theo ý chúng sinh mà nói pháp tu hành thành tựu. Văn lại chia làm bốn: một là nói chung Như Lai nói tất cả pháp.

Xá-lợi-phất, chỉ có Phật Như lai nói được tất cả pháp từ những pháp nào? v.v...trở xuống là thứ hai nói riêng năm pháp như thuyết chứng v.v...

Những Pháp nào? Pháp thế nào là? Pháp giống như cái gì? Pháp tướng thế nào? Pháp thể ra sao? Nói như thế nào v.v...trở xuống là? thứ ba nói năm pháp như thuyết giáo, v.v...

Thứ nào? Nói thế nào? Giống cái gì? Tướng thế nào? Thể thế nào? tất cả pháp. Như thế v.v...trở xuống là thứ tư là tổng kết chứng giáo hai pháp Như lai hiện thấy, chẳng phải không hiện thấy. Tất cả pháp như vậy v.v... Như lai hiện thấy, chẳng phải không hiện thấy. Nay sẽ chỉ bày chỗ văn, sau đó dựa vào luận để giải thích riêng Luận chép v.v...trở xuống là thứ hai luận thích. Văn chia làm hai: thứ nhất là giải thích chung một bộ kinh, thứ hai là giải thích riêng.

Luận chép: Từ đây trở xuống là nói lên tướng nhân quả của pháp đã nói ,nêu biết. Nói tướng nhân quả đã nói nên biết, gần là nói về phẩm Phương Tiện, nói nghĩa nhân quả. Như nói nghĩa nhân sâu xa của việc thọ trì, đọc tụng v.v.... Trí tuệ chư Phật sâu xa vô lượng, v.v... nói về quả nghĩa. Xa là nói về kinh này chỉ hiện ra một lý, nói Nhất thừa, chỉ giáo một người. Nên dùng Nhất thừa nhân quả làm tông. Bấy giờ, Thế tôn v.v...trở xuống là thứ hai nhắc lại kinh giải thích có năm chương kinh, là năm đoạn, như trên đã nói. Văn đầu có hai: nhắc lại trước Phật xuất định, bảo Xá-lợi-phất hai chương kinh mà giải thích. Kế là nhắc lại pháp mâu công đức và Pháp Sư công đức mà giải thích.

Lúc đó, Đức Thế tôn nhập vào Tam-muội sâu xa, chính niệm bất động dùng trí như thật quán từ Tam-muội an lành xuất định, xuất định rồi, bảo Xá-lợi-phất. Dùng trí như thật quán là nói về sự xem xét, xem xét là nói biết bệnh cho thuốc. Từ tam-muội an tường xuất định khởi: sau khi biết bệnh cho thuốc rồi, nên kịp thời bốc thuốc theo bệnh, nên xuất định. Xuất định rồi bảo Xá-lợi-phất là nêu ra người đối dương. Nói lên Như lai được năng lực tự tại, nên Như lai nhập định không thể giạt tỉnh.

Nói lên Như lai được năng lực tự tại, là giải thích chính niệm trên là bất động và dùng trí quán sát như thật. Dùng định lực tự tại được thân tâm bất động và quán sát như thật. Như lai nhập định không ai có thể làm ngài xuất định là, giải thích an tường xuất định, không bị duyên ngoài làm kinh động, nên được an tường xuất định. Trước nói bên trong có năng lực tự tại, nay nói không có sự kinh động bởi duyên ngoài, đều là khen ngợi Vô Lượng Nghĩa, khẳng định có hai năng lực này. Tại sao lại phải bảo với Xá-lợi-phất v.v...trở xuống là giải thích thứ hai đối với người đối dương lại chia ra hai khác nhau, một là giải thích các Thanh Văn không đúng, sau đó là giải thích Bồ-tát không đúng. Trong mỗi pháp đều có hai, đầu tiên vì sao? Là hỏi lấy gì để bảo với Tôn giả Xá-lợi-phất, không báo các Thanh Văn khác. Theo sau trí tuệ sâu xa v.v..., trở xuống là thứ hai là đáp.

Theo trí tuệ sâu xa tương ứng với Như lai. Nay là nói về đại tuệ bình đẳng. Chỉ có Thân Tử trí tuệ là bậc tương ứng với Phật. Người khác không như thế do vậy chỉ bảo thân tử. Tại sao lại không báo các Bồ-tát là thứ ba giải thích không báo với các Bồ-tát. Trước hỏi, sau đáp.

Vì sao không báo các Bồ-tát? Đáp: Trong đầu tiên là nêu chung năm nghĩa.

Có năm thứ nghĩa: từ một v.v...trở xuống là giải thích riêng năm

nghĩa: một là việc nên làm vì các Thanh Văn, hai là các Thanh Văn mà hồi tâm hướng về đại Bồ-đề. Ba là bảo hộ các Thanh Văn sợ sệt yếu đuối. Bốn là vì giúp cho người khác khéo suy nghĩ. Năm là vì các Thanh Văn bất khởi mà làm ra biện tâm. Thế nhưng lại nói Thanh Văn có năm nghĩa, nên phải báo cho biết.

Một là việc nên làm, các Thanh Văn. Dưới đây ví dụ phẩm nói. ta tuy nói các thầy diệt độ, nhưng hết sinh tử mà thật chẳng diệt. Nay việc nên làm là duy nhất trí tuệ Phật. Bồ-tát đã phát tâm Phật, hành Phật, đã làm ra nghiệp của trí tuệ Phật, nên không cần phải bảo Bồ-tát. Thanh Văn chưa làm được nghiệp Phật, muốn cho họ làm, thì bảo với cho họ biết. Hai là vì các Thanh Văn mà hồi tâm hướng về đại Bồ-đề. Bồ-tát phát tâm về với đại đạo, nên không cần bảo, Thanh Văn chưa đáp lại, nay muốn làm cho họ đáp lại, thì phải bảo. Điều trên là khiến họ làm nhân Phật. Nay nói thứ quả hướng về Phật. Ba bảo vệ các Thanh Văn sợ sệt yếu đuối. Thanh Văn sợ Phật đạo dài xa, nên phải bảo, Bồ-tát thì không như thế.

Bốn là vì giúp cho người khéo suy nghĩ. Từ người ngoài Thanh văn, dòng dõi của Bồ-tát trời người đều gọi là người khác. Thanh Văn vốn không phải là người có khả năng thành Phật, sẽ thành Phật, Phật nói sao không cầu thành Phật; khiến họ suy nghĩ đạo lý.

Năm vì giúp cho Thanh Văn bất khởi niệm phải làm đã làm xong Thanh Văn có sự tự nắm giữ bảo vệ rất ráo cho nên phải bảo. Bồ-tát không có bệnh này, nên không phải bảo. Trí tuệ của Chư Phật sâu xa vô lượng là thứ hai giải thích hai thứ công đức là hai điểm khác nhau. Trong giải thích diệu pháp chia làm hai: là giải thích chung hai thứ sâu xa. Điều thứ hai đặc biệt giải thích riêng A-hàm thứ sâu xa. Thứ nhất lại chia thành hai, một là giải thích, hai là nêu kinh để giải thích chỗ. Trong giải thích có hai: một là nhắc lại, hai là giải thích. Trong nhắc lại, trước nhắc lại hai chương môn là trí tuệ và sâu xa.

Chư Phật trí tuệ sâu xa vô lượng: là tâm tôn trọng các đại chúng sinh trở xuống là thứ hai giải thích. Văn có hai, đầu tiên là sinh khởi chung hai chương, kế là giải thích riêng hai chương.

Vì các đại chúng sinh mà tâm tôn trọng rất ráo muốn nghe Như lai nói, đầu tiên phải có câu hỏi vì sao Phật xuất định, khen ngợi trí tuệ sâu xa vô lượng. Nên giải thích vì sao các đại chúng sinh tâm tôn trọng cuối cùng là muốn nghe Như lai nói. Nói sâu xa v.v... trở xuống là sâu xa thứ hai giải thích hai chương môn: một là giải thích chương môn, hai là giải thích chương môn trí tuệ. Còn giải thích chương môn sâu xa lại

có ba: một là nói chung hai thứ sâu xa, hai là nói riêng chứng sâu xa, ba là giải thích thể của sâu xa, sơ văn nêu hai thứ khuyến biết.

Nói sâu xa, là nói hai nghĩa sâu xa, nên biết như vậy. Hai pháp ấy là v.v...trở xuống? Là nêu hai thứ sâu xa. Hai pháp ấy là

Một là chứng sâu xa là, nói trí tuệ của Chư Phật sâu xa vô lượng. Hai là A-hàm sâu xa nói về trí tuệ môn của họ sâu xa vô lượng. Nên nói sâu xa là bày riêng của tướng chung. Chứng sâu xa là pháp sở chứng bên trong. A-hàm sâu xa Thích Đạo An nói? A-hàm gọi là vô, nói tất cả pháp đều thú hưởng về pháp không rốt ráo, nên được gọi là thú vô.

Tăng Triệu nói: A-hàm gọi là Pháp quy, được quy về phủ tạng muôn điều lành nhưng A-hàm là trên nước ngoài giáo pháp, có ở cả Tiểu. Bốn A-hàm, v.v... là Đại Tiểu. Niết-bàn nói phương đẳng A-hàm đây là Đại. Nói sâu xa là tướng chung, còn lại là tướng riêng, chung riêng là sâu xa thông chứng giáo, nên nói là chung. Còn có chứng giáo khác nhau, nên gọi là riêng. Chứng sâu xa có năm thứ nói lên v.v...trở xuống là thứ hai giải thích riêng chứng sâu xa.

Chứng sâu xa có năm thứ nói lên. Một là nghĩa sâu xa là dựa vào nghĩa sâu xa như thế nào. Hai là thật thể sâu xa. Ba là nội chứng sâu xa. Bốn là y chỉ sâu xa và năm là Vô thượng sâu xa.

Nghĩa sâu xa trước là giải thích năm thứ sâu xa chưa thấy được ý văn. Sau thấy luận Phật Tính và kinh Thắng-an mới được ngộ giải. Luận Phật Tính giải thích năm tạng cuối cùng đến Thắng-nam năm tạng làm chứng. Như Lai tạng tự tính là nghĩa, tất cả các pháp đều không ngoài tự tính. Vô ngã là tướng. Nghĩa Tự tính nói về một tạng này là thể của tất cả các pháp. Tất cả các pháp chân như là thể. Nên không có một pháp nào ra ngoài như

Trong năm nghĩa của luận tiếp theo, thứ nhất là tính nghĩa luận này gọi là thể sâu xa, thứ hai là Pháp giới tạng, lấy nhân làm nghĩa, niệm xứ quan của bậc thánh v.v... đều đưa vào tính này làm cảnh giới. Ý này nói pháp giới là các duyên như niệm xứ v.v..., duyên với duyên tăng trên. Nhân là nhân nghĩa trong năm nghĩa của luận Đại Thừa tiếp theo. Luận này dựa vào sự sâu xa. Ba pháp thân tạng lấy chí được làm nghĩa. Tất cả bậc thánh tính ưa chánh tánh giúp cho các bậc thánh được công đức Như lai, là tạng nghĩa thứ ba trong Nhiếp luận. Tất cả pháp luống dối ẩn giấu phi phạm kia là năng duyên của Hai thừa, do đó Tiểu thừa không tương tự. Thế nhưng luận Phật tính thủ hiển thời làm nghĩa, nên gọi là Pháp thân tạng, cho đến được làm nghĩa bốn nhiếp, luận nói theo lúc ẩn, nên nói tạng là chứng sâu xa ở trong đó. Bốn xuất thế gian

trên trên tạng, chân thật là nghĩa. Chữ Thế có ba nghĩa: một là đối trị khả diệt, hai là vọng tâm niệm niệm diệt, ba là bên trong có kiến chấp điên đảo không được thánh pháp, cả ba nghĩa này đều được gọi là Thế. Quá ba nghĩa ấy nên gọi là nghĩa xuất thế, tức năm nghĩa trong Nhiếp luận, Thứ tư là nghĩa Chân thật, tức trong luận này là Vô thượng sâu xa. Năm tự tánh thanh tịnh tạng là bí mật là nghĩa. Như tất cả các pháp thuận theo tính này thì được gọi là vi nội. Đó là chính, không phải tà, nếu trái với lý này thì là vi ngoại, là tà không phải chính. Trong luận Tứ Nhiếp nghĩa sâu xa xa. Năm tạng này thế là một nhưng nghĩa không giống nhau. Tất cả đều có chân như là Thế, nên gọi là Thế nghĩa, tức chân như là nhân để cho bậc Thánh quán sát thực hành, gọi là nhân nghĩa, người chứng được chân như này làm pháp thân thì gọi là chứng được nghĩa. Chân như này vượt ngoài thế gian thì gọi là nghĩa trên trên, sâu xa mầu nhiệm gọi là Nghĩa Bí Mật, Nhiếp luận Đại thừa ban đầu nói Tất cả tướng y chỉ môn. Nói về quả có năm nghĩa đều là ý của Thắng-man kinh, của luận Phật tính. Ngày nay cả năm thứ này đều là nghĩa của năm tạng. Ý nói rằng ít không thứ lớp. Nay nói có tự thể sâu xa là thứ nhất Như Lai tạng sâu xa nội chứng sâu xa, là Pháp giới tạng. Vô thượng sâu xa là xuất thế trên trên tạng. Dựa vào nghĩa nào mà nói sâu xa là Tự tính thanh tịnh tạng.

Hỏi: Tại sao lại nói năm thứ, không nhiều hơn không ít hơn?

Đáp: Đầu tiên là tự tính trụ Phật tính, thứ hai là dựa vào tự tính trụ Phật tánh. Khởi chủ quán hành là dẫn ra Phật tính. Thứ ba là chủ được Phật tánh. Thứ tư là khen ngợi ba thứ mà thế gian không có này. Thứ năm nghĩa sâu xa chỉ có ở cảnh giới Phật. Năm thứ này gồm nhiếp hết sự nghĩa của tất cả Phật.

Hỏi: Lấy gì để nói về năm việc này?

Đáp: Nay Phật nói Nhất thừa muốn cho chúng sinh thành Phật. Ý nghĩa của việc thành Phật đều ở năm việc này. Cho nên giải thích đầu tiên nếu nói Pháp Hoa chưa nói Phật tính, phá bỏ năm nghĩa này thì tội nghiệp sẽ vô biên. Hiểu được năm nghĩa này thì phúc tuệ sẽ vô lượng. Tại sao lại sâu xa? Là thứ ba giải thích thế của sâu xa.

Thế nào là sâu xa là? Nói đại Bồ-đề, đại Bồ-đề là do Như lai chứng đắc A-nậu-Đa-la Tam miệu Tam-bồ-đề, sâu xa lại là điều Thanh Văn, Bích-chi-phật không thể biết được, nên gọi là sâu xa. Là nêu riêng thế của sâu xa, chính là Vô thượng Bồ-đề là sâu xa thế của. Bồ-đề lời quên bật nghĩ nên gọi là sâu xa. Những thứ ở dưới sâu xa, trên kia đã nói là đương thế sâu xa Hai thừa không lường được nên gọi là sâu xa.

Nói về trí tuệ, ở trên đã giải thích môn sâu xa rồi, nay giải thích môn trí tuệ. Nói trí tuệ, là nói về nghĩa của mọi thứ, tất cả tất cả trí. nói tất cả loại là nghĩa trí của Nhất thiết trí, tất cả thứ là trí Nhất thiết chủng Luận Trí Độ chép: môn trí tuệ có tên là chủng, chủng nói về chủng biệt, vì môn trí tuệ có chủng biệt khác nhau nên gọi là chủng. Nghĩa trí của Nhất thiết trí. Giải thích thứ nhất là nói trí của trí người nhất thiết, nên coi trọng về trí an định. Lại giải thích, mọi trí mà ta biết nên gọi là trí trí. Như kinh đã v.v...trở xuống là nói thứ hai nêu kinh giải thích nơi chốn.

Khinh chép: Trí tuệ của Chư Phật, sâu xa vô lượng, môn trí tuệ ấy khó thấy, khó giác, khó biết khó hiểu, khó nhập. Tất cả Thanh Văn, Bích-chi-phật đều không thể biết được.

Nói A-hàm sâu xa từ trên giải thích chung hai thứ sâu xa. Nay lại một lần nữa giải thích A-hàm sâu xa. Trước chung, sau riêng đều là Thiên Thân giải thích thể của kinh. Chia văn làm hai. Một là trước nhắc lại A-hàm sâu xa làm chương môn.

Nói A-hàm sâu xa biểu thị có tám thứ v.v...trở xuống:, giải thích là thứ hai, đầu tiên là nói chung có tám chỉ ra có tám thứ.

Một là thọ trì đọc tụng, v.v...trở xuống là giải thích riêng tám thứ tức thành tám môn. Trong mỗi thứ đều có hai trước là nêu tên, như kinh v.v...trở xuống là dẫn kinh chứng minh, một thọ trì đọc tụng sâu xa. Như kinh chép: Phật nói từng gần gũi cúng dường vô lượng trăm ngàn muôn ức Chư Phật.

Hỏi: Kinh nói gần gũi, cúng dường vô lượng Chư Phật, thế nào là thọ trì, đọc tụng?

Đáp: Sở dĩ gần gũi, cúng dường chỉ là muốn được thọ trì đọc tụng.

Hai tu hành sâu xa, trước đã thọ trì đọc tụng, nay là như lợi dụng tu hành, lại như trước là văn tuệ, nay là từ tuệ; lại trước là tín thọ, nay là tu hành.

Hỏi: Trước nói thế nào là Tín?

Đáp: Long Thọ nói vì tín lực nên thụ vì niệm lực nên trì vì thế biết trước là Tín.

Như kinh chép: đối với Chư Phật tận hành các sở tu pháp A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Ba quả hành sâu xa, quả hành sâu xa trước là tư tuệ, nay là tu tuệ. Dùng ba tuệ làm đầy đủ nghĩa gần, của quả quá khứ nên nói là quả hành, lại có hai tuệ làm nhân để tu tuệ làm quả.

Như kinh phép: Xá-lợi-phất nói Như lai đã mạnh mẽ tinh tiến

thành tựu trong vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp.

Bốn thêm lớn công đức tâm sâu xa, trước là ba tuệ nay là chứng tuệ. Chứng tuệ là sau phần tu tuệ bắt đầu chứng được chân như pháp thân, nên nói là thêm lớn tâm công đức, Như kinh tên chép: gọi là Phổ Văn, nên năm là khoái diệu sự tâm sâu xa.

Năm là khoái diệu sự tâm sâu xa, bốn thứ trên đây nói về nhân sâu xa, từ sau bốn thứ này nói về quả sâu xa, khoái diệu sự là nói về Đại Niết-bàn.

Như kinh chép: Xá-lợi-phất nói Như lai rốt ráo đã thành tựu pháp ít có. Sáu là Vô thượng sâu xa.

sáu là Vô thượng sâu xa, thứ năm là quả Niết-bàn, thứ sáu là quả Bồ-đề. Thắng tướng thứ chín, thứ mười hai của luận Tứ Nhiếp trước cũng là quả quả. Nay là quả của nó, lại trước là pháp thân Như kinh chép: này Xá-lợi-phất, nay là ứng thân, pháp khó hiểu, Như lai có khả năng hiểu, bảy là nhập sâu xa.

Bảy là nhập sâu xa gọi là tự chương cú ý khó được nên trú trì tự tại, không đồng với và ngoại đạo nói phép nhân duyên gọi là sâu xa. Ba thân vi luận, nay là hóa thân, tự tha phân biệt hai tên trước là tự đức, hai tên sau là đức hóa tha.

Nói nhập sâu xa: Như Lai nói giáo giúp cho người ngộ nhập lý, trú trì được tự tại. Không đồng nói pháp nhân duyên với ngoại đạo, pháp ngoại đạo nói ở đây là rơi vào tà nhân hoặc rơi vào vô nhân, lại nhân duyên gọi là lý do, lý do là nghĩa. Pháp của ngoại đạo có chữ mà vô nghĩa. Phật pháp thì không phải như thế. Như kinh chép: Xá-lợi-phất khó hiểu pháp, là Chư Phật Như lai tùy nghi sở thuyết ý thú khó hiểu. Tám là bất cộng Hai thừa trú trì sâu xa.

Tám là bất cộng Thanh Văn, Bích-chi-phật sở tác trú trì sâu xa. Trước khác với ngoại đạo, nay thì không chung với Hai thừa. Còn nói sở tác trú trì là Chư Phật, Như lai hễ lập bày Phật pháp để tạo tác trú trì, thì Hai thừa không thể biết được.

Như kinh chép: Tất cả Thanh Văn, Bích-chi-phật đều không thể biết, đây là nói về pháp mẫu công đức trên đây đã phân biệt pháp mẫu công đức, nay là Luận chủ tổng kết giúp cho người biết phân biệt rõ ràng.

Thế nào là pháp mẫu công đức? Kế là nói Như lai Pháp Sư công đức? Là thứ hai kế nói về Pháp Sư công đức, văn chia làm hai: một là nói chung công đức Pháp Sư, hai là nói riêng công đức Pháp Sư. Trước nói pháp mẫu công đức, cũng trước chung, sau riêng. Hai thứ sâu xa

là chung, A-hàm sâu xa là riêng, nay cũng nói chung và riêng. Trong chung chia làm hai: một là Luận chủ nêu chung công đức Pháp Sư, hai là dẫn kinh chứng minh.

Kế là nói về công đức của Như lai Pháp Sư thành tựu nên biết: Pháp mẫu công đức là tự đức, công đức Pháp Sư là đức hóa tha. Trước nói về tự đức, sau nói về hóa tha, nên nói là kế nói. Như kinh v.v...trở xuống là kế dẫn kinh làm chứng.

Như kinh chép: vì sao Xá-lợi-phất, chư Phật Như lai tự tại nói nhân thành tựu.

Nói tự tại thuyết nhân thành tựu có đức tự tại nói pháp đức này là nhân của nói pháp, nên nói là tự tại nói nhân.

Hỏi: điều thứ bảy, thứ tám ở trước cũng có nói về pháp nghĩa, đã là Pháp Sư, vì sao đến bây giờ mới bắt đầu giải thích?

Đáp: Luận chủ chia ra hai chương, nên mở ra hai môn, chương đầu chẳng phải không có Pháp Sư. Đoạn sau cũng có pháp mẫu. Lại có điều bảy, điều tám trước đã nói lời dạy của Như lai chưa chứng minh sự giáo hóa chúng sinh của Hai thừa không giống với ngoại đạo. Nay đã chứng minh giáo hóa chúng sinh, nên gọi là công đức Pháp Sư.

Như Lai thành tựu bốn thứ công đức v.v...trở xuống là thứ hai nói về công đức Pháp Sư của Như lai vẫn chia làm hai: một là nói sơ lược về bốn thứ công đức, hai là nói rộng về bốn thứ công đức, cũng là mở đầu nêu chương, sau là giải thích. Vẫn lại chia hai: một là luận chủ nói chung bốn thứ công đức, hai là dẫn kinh nói riêng bốn thứ công đức, là giải thích nhân của tự tại nói ở trên vì đủ bốn thứ công đức nên có khả năng nói pháp cho người nghe.

Như lai đầy đủ bốn thứ công đức nên độ được chúng sinh. Bốn thứ công đức là nói nhân của, vì sao lại có bốn? V.v...trở xuống là thứ hai dẫn kinh nói riêng bốn thứ công đức, là thành bốn thứ khác nhau. Mỗi pháp trong đó có ba, thứ nhất nêu tên, thứ hai dẫn kinh chứng minh, thứ ba giải thích kinh nói trụ thành tựu là nói về nêu tên.

Một là trụ thành tựu, là trụ các phương tiện độ thoát chúng sinh nên mới gọi là Trụ, hoặc có luận bản chép: chữ vãng, các người là vãng chúng sinh có hai thứ: Một là bỏ Tiểu hưởng Đại gì là lai, như gã nghèo hưởng về quê cũ, dần dần đi tới nhà cha; Hai là bỏ Đại hưởng Tiểu, gọi là khứ, cũng như gã nghèo bỏ nhà ra đi. Phật cũng có hai thứ: một là ứng thân, vì chúng sinh đại tâm nên gọi là, Lai hai là hóa thân, thành tựu chúng sinh, như vị Trưởng giả kia tay cầm đồ hốt phân đến chỗ con. Nay ở trong đó có tám tướng thành đạo là vãng nghĩa, nên còn nói là vãng

phương tiện, như kinh chép: v.v...trở xuống là thứ hai dẫn kinh.

Như kinh chép: Xá-lợi-phất! Như lai thành tựu các thứ phương tiện, các thứ phương tiện là thứ ba giải thích kinh.

Các thứ phương tiện: từ trời Đâu-suất lui sụt đến nói lên nhập Niết-bàn. Tám tướng thành đạo tám phương tiện, nên gọi là các thứ. Nếu theo luận Phật Tính thì có mười bốn thứ phương tiện: một là hiện bản sinh sự, hai là hiện sinh lên cõi trời Đâu-suất, ba là từ cõi trời xuống thọ thân trung ấm, bốn là nhập thai, năm là xuất thai, sáu là học kỹ năng, bảy là đồng tử du hý, tám là xuất gia, chín là khổ hạnh, mười là đến dưới gốc Bồ-đề, mười một là phá ma quân, mười hai là thành Phật đạo, mười ba là xoay bánh xe pháp, mười bốn là nhập Niết-bàn.

Hai là giáo hóa thành tựu, là giải thích thứ hai cũng có ba thứ khác nhau, một là nêu chương, hai là dẫn kinh, ba là giải thích kinh.

Hai là giáo hóa thành tựu. Nói về giáo hóa thành tựu, Như lai có khả năng biết được nhân duyên thanh tịnh. Pháp nhiệm thì răn dạy cho bỏ, pháp thanh tịnh thì khuyên tu, dùng cả hai môn khuyên răn (khuyên bảo và ngăn cấm) nên gọi là giáo hóa. Kinh chép: v.v...trở xuống là thứ hai dẫn kinh.

Như kinh chép: các thứ tri kiến: các thứ tri kiến nói lên các nhân nhiệm tịnh v.v...trở xuống là, thứ ba giải thích kinh.

Các thứ tri kiến là nói các nhân nhiệm tịnh, vì có nhiệm có tịnh nên gọi là các thứ. Nếu theo Nhiếp luận thì thức A-lại-da là tất cả nhân nhiệm tịnh. Nên kệ ấy chép: Thế giới này vào thời vô thủy, tất cả pháp y chỉ, đạo này có nhiệm tịnh, rồi được Niết-bàn. Lại giải thích theo kinh Thắng-man thì Như lai tạng là nhân nhiệm tịnh, dùng nhiệm tịnh dựa vào Như lai tạng, hai là luận chung. Tất cả nhiệm phiền não là nhân của pháp nhiệm sinh tử. Vô lậu là nhân của pháp thanh tịnh Niết-bàn như nói rộng các danh chương kia và kinh Thắng-man. Sinh tử nương vào Như lai tạng. Giải thích chung Hạt giống nhiệm tịnh là nhân sinh tử. Vô lậu huân tập là nhân Niết-bàn. Phật bên trong biết được hai thứ này, bên ngoài chỉ bày cho chúng sinh, nên gọi là Pháp Sư. Có luận bản nói đó là nhân của nhiệm tịnh. Nay nói, biết được các nhân của nhiệm tịnh thuộc về biết hết ý nghĩa của nhân. Nếu nói tịnh nhân thì chỉ biết tịnh mà không biết nhiệm, Nhiếp nhân nghĩa bất tận, ba là công đức thành tựu sau cùng, là giải thích điều thứ ba cũng có ba thứ khác nhau, đầu tiên là nêu, kế là dẫn chứng, sau là giải thích.

Ba là công đức thành tựu sau cùng.

Nói về công đức thành tựu sau cùng, dựa vào hai điểm sau để giải

thích. Một là nói tất cả công đức có đủ sức mạnh không sợ sệt gọi là công đức thành tựu sau cùng; Hai là nói dựa vào hậu văn có quán nhân vô ngã và pháp vô ngã. Chỉ ở trong pháp Đại thừa mới có công đức này, tên là rốt ráo thành tựu, như kinh chép v.v...trở xuống là thứ hai dẫn kinh chứng minh.

Như kinh chép: các thứ niệm quán: các thứ niệm quán giải thích là thứ ba, các thứ niệm quán dùng nói pháp để thành tựu nhân duyên tương ứng như pháp. Dùng nói pháp ấy để thành tựu nhân duyên, muốn nói pháp thì phải thành tựu nhân duyên, là nói pháp nhân duyên. Có nói pháp nhân duyên mới được tương ứng các pháp, tương ứng các pháp mới được nói pháp. Ba trước biết được nhân nhiễm tịnh, là nói Phật biết pháp hữu. Nay nói hai vô ngã quán nhân và pháp rằng biết pháp không, vì biết đủ không hữu nên gọi là Pháp Sư.

Hỏi: Vì sao gọi là các thứ niệm quán.

Đáp: Hai vô ngã nhân và pháp gọi là các thứ, bốn là thuyết thành tựu cùng có ba, đầu tiên là nêu.

Bốn là thuyết thành tựu: như kinh chép v.v... trở xuống là dẫn kinh.

Như kinh chép: các thứ ngôn từ, các thứ ngôn từ để giải thích kinh thứ ba.

Các thứ ngôn từ là dựa vào bốn trí vô ngại dựa vào các danh tự chương cú nào, tùy chúng sinh nào có khả năng thọ mà làm thành thuyết. Dựa vào danh tự, chương cú nào? Giải thích là ngôn từ trên trên. Tùy theo chúng sinh nào là tùy muôn thứ chúng sinh, nên có các thứ ngôn từ. Vậy mà Pháp Sư La-thập không có văn nói về bốn thứ công đức này. Thế nhưng nói từ khi thành Phật đến nay đã có các thứ nhân duyên ví dụ nói rộng ngôn giáo, các thứ nhân duyên, là điều thứ ba trong bốn thứ. Giải rộng ngôn giáo có công năng kết thành công đức thứ tư. Các thứ tử dụ có công năng kết thành thứ hai, không có các phương tiện bậc nhất. Bởi thế nên trong vô số phương tiện đã nhiếp được tất cả phương tiện, đầu tiên là phương tiện cánh vô.

Hỏi: Bốn thứ công đức này thứ lớp như thế nào?.

Đáp: Các Đức Phật đều trụ trong tám tướng thành đạo. Thứ nhất là nói về trí công đức, sở dĩ trí tám tướng vì Như lai biết nhiễm biết tịnh, giúp cho chúng sinh xả nhiễm được tịnh, nên có thứ hai là giáo hóa công đức. Việc giáo hóa chúng sinh đó cần phải chuẩn bị đủ các đức bên trong là tương ứng với các pháp, nên có thứ ba là công đức rốt ráo. Đức có đầy đủ ở bên trong thì khéo nói ra ngoài, nên lại có thứ tư là

công đức nói pháp. Bốn thứ này là nghĩa nhiếp hóa chúng sinh, nên gọi chung là công đức Pháp Sư. Lại có nghĩa v.v...trở xuống:

Thứ hai là phương tiện quảng bốn: cũng là giải thích chương môn. Giải thích chương môn là ứng thành bốn thứ khác nhau. Thế nhưng luận chủ chia thành hai. Giải thích ba phương tiện trước thành một thứ, giải thích phương tiện thứ tư thành một loại. Ba phương tiện trước lại chia thành hai, là giải thích kinh, hai là giải thích luận, giải thích kinh là ba. Trong từng chương đều có ba, đó là một là nêu, hai là dẫn chứng, ba là giải thích kinh.

Lại có nghĩa các thứ phương tiện: là nói ngoại đạo có tà pháp như thế là có vô vàn lầm lỗi, nên phải có các thứ phương tiện nói lên chính pháp của chư Phật, như thế là có các thứ công đức. Nói lại có, như trên đã nói về tám tướng, phương tiện nghĩa vẫn chưa cùng tận. Nay muốn giải thích rộng, nên nói lại có nghĩa các thứ phương tiện, nêu ra các thứ, nói ở dưới giải thích các thứ. Có thể có ba đoạn các thứ: Một là nói lên chính pháp có các thứ lầm lỗi như chín mươi sáu thứ; Hai là nói chính pháp của Phật có các thứ công đức. Lược nói có năm thừa, nói rộng có tám muôn pháp tạng; Ba là tà làm một thứ, chính là một thứ nên gọi là các thứ. Như kinh v.v...trở xuống là dẫn chứng vẫn có hai: một là nói vô số phương tiện như kinh chép: Xá-lợi-phất ta từ khi thành Phật tới nay là nói rộng ngôn giáo vô số phương tiện, hai là từ dẫn đạo v.v...trở xuống: là, giải thích nói ý phương tiện.

Dẫn dắt chúng sinh về các chỗ dính mắc để họ được giải thoát, lại có vô số phương tiện là, thứ ba giải thích kinh, vẫn có hai: một là giải thích vô số phương tiện, hai là giải thích trên nói ý phương tiện.

Lại vô số phương tiện khiến nhập vào các pháp lành nên lại có phương tiện, dứt phương tiện nghi, lại phương tiện khiến nhập vào thắng trí tăng trên, nên lại có phương tiện là dựa vào bốn nhiếp pháp nhiếp thụ chúng sinh khiến được giải thoát.

Trong đây nói bốn thứ phương tiện. Nay dùng ba nghĩa để giải thích:

Một là chúng sinh chưa nhập pháp lành, thì giúp họ nhập vào pháp lành, tuy được dứt nghi nhưng chưa nhập vào thắng trí, thì giúp cho được thắng trí. Tuy nhập vào thắng trí nhưng chưa được giải thoát, thì nên khiến họ được giải thoát.

Hai là bốn thứ gánh nặng, trong kinh thắng – Man: Bốn thứ gánh nặng là: a/ vì chúng sinh vô văn phi pháp mà nói nhân thiên thừa, khiến nhập vào pháp lành. b/ nói Thanh Văn thừa dứt nghi đối với Bốn đế,

nên nói là dứt các nghi, c/ Nói Duyên giác thừa giúp cho nhập vào thắng trí. Dùng trí duyên giác thắng trí Thanh Văn. d/ phương tiện vì nói Đại thừa, trong Đại thừa dùng bốn nhiếp pháp thu nhiếp, dùng bố thí để nhiếp, khiến làm khuyến thuộc của mình, dùng ái ngữ để nhiếp khiến phát tâm Bồ-đề, dùng lợi hành tha nhiếp giúp cho gốc lành thêm lớn, dùng đồng sự nhiếp để giúp họ thành Phật.

Ba là theo luận Phật Tính, vì bốn người phá bốn chương thành bốn nhân được quả, nên không nhiều không ít. Thế nhưng nói bốn thứ:

a/ Phương tiện phá xiển-đề bất tín chương, giúp cho tin ưa Đại thừa làm thành đại tịnh hạt giống.

b/ Phương tiện phá ngoại đạo tà ngã tương chương, khiến được Bát-nhã, là dưới giống của Đại ngã mà nói dứt các nghi, không có cái ngã của luống dối mà có cái ta Phật tính, có những nghi ngờ đối với vô pháp được dứt bỏ.

c/ Phương tiện phá Thanh Văn kinh sợ sinh tử chương, khiến được phá hư không Tam-muội thành tựu đại lạc hạt giống. Hạt giống nhờ hai phương tiện tốt đẹp ở trước mà nói là thắng trí. Lại thứ nhất là thấp, kể một là trung, sau một là trên, nên nói là tăng trên. d/ là phá độc giác tự ái thân chương giúp cho được Đại từ đại bi thành tựu làm Hạt giống Đại thừa, dùng làm Duyên giác vô bi. Bây giờ nói bốn nhiếp pháp, là đại bi. Chư trước Xứ v.v... trở xuống là, thứ hai, giải thích nói ý phương tiện. Văn chia làm hai, đầu tiên là nhắc lại chung giải thích.

Chư trước Xứ là chỗ nào cũng đấm nhiễm, hoặc đấm cái cõi v.v... trở xuống là thứ hai riêng giải thích văn có hai, phần đầu nêu ra thành bốn, phần sau giải thích bốn đấm

Hoặc đấm nhiễm các cõi hoặc đấm nhiễm các địa, hoặc đấm nhiễm các phân, hoặc đấm nhiễm các thừa, trên đây đã nói bốn thứ phương tiện. Nay nói bốn đấm nhiễm là bốn thứ đấm nhiễm nói là bốn phương tiện, không phải là trị riêng, nhưng là trị chung, đấm nhiễm v.v...trở xuống là thứ hai giải thích bốn đấm, là bốn thứ khác nhau. Nay trước là giải thích đấm cõi.

Đấm cõi là nói đấm cõi dục cõi Sắc cõi Vô Sắc, đấm địa v.v...trở xuống là, giải thích thứ hai.

Đấm địa là đấm đấm giới thủ Tam-muội sơ thiền định địa cho đến Phi phi tướng và diệt tận định địa. Giới thủ là ngoại đạo cho tà giới là đạo. Tam-muội trước đây là Tam-muội trong cõi dục, như luận Thành thật nói điện quang định, v.v... lại là vị lai thiền của từ-đàm. Đấm phân là giải thích thứ ba, trước nêu trước tại gia, xuất gia hai chương môn.

Đấm phân :là đấm phân tại giai xuất gia.kế là giải thích hai chương môn:

-Đấm phân tại giai:là đấm mình

đồng thứ gây ra các thứ nghiệp tà kiến v.v... Đấm xuất gia phân là mê đấm tiếng tăm lợi dưỡng các thứ chư giác phiền não v.v... rất dễ hiểu

Đấm thừa là giải thích thứ tư, trước nêu Thanh Văn Bồ-tát hai chương môn.

Đấm thừa là đấm Thanh Văn thừa, Bồ-tát thừa, kế là giải thích hai môn.

Đấm Thanh Văn thừa là thích giữ giới Tiểu thừa cầu Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, nên đấm Đại thừa là nói đấm lợi dưỡng, cúng dưỡng, cung kính, v.v... nên đấm phân riêng quán các thứ pháp tướng cho đến Phật địa,rất dễ hiểu.

Là các thứ tri kiến,là nói rộng thứ hai ý nghĩa các thứ tri kiến, văn có ba, một là nêu chương môn, lược giải thích, sau là dẫn kinh, ba là giải thích kinh. Lại các thứ tri kiến là tự thân thành tựu cảnh giới tốt đẹp không thể suy nghĩ bàn luận bằng với Thanh Văn, Bồ-tát, v.v... Tự thân thành tựu cảnh giới không thể nghĩ bàn là nói bật cảnh giới Hai thừa và Bồ-tát, v.v... bằng với Thanh Văn Bồ Tát.Trên đây nói về sự khác nhau giữa hai hạng Đại Tiểu, nay nói về sự giống nhau giữa hai hạng Đại Tiểu. Như kinh chép: này Xá-lợi-phất! tri kiến phương tiện Như lai. Là thứ hai dẫn kinh làm chứng hai nghĩa trước.

Như kinh chép: Xá-lợi-phất! tri kiến phương tiện của Như lai tới bờ bên kia. Trước đã chứng thượng bằng với Thanh Văn, Bồ-tát. Như lai chân thật đã vượt hơn Thanh Văn, Bồ-tát mà có thể đồng với Thanh Văn Bồ-tát, nên nói là phương tiện, phương tiện này khác với phương tiện ở trên, vẫn lấy Thanh Văn và Bồ-tát làm phương tiện. Tới bờ bên kia, chứng được cảnh giới bậc nhất, vắng bật hai hạng người. Tới bờ bên kia vv trở xuống là giải thích kinh thứ ba. Tới bờ bên kia; là hơn tất cả Bồ-tát. Đã hơn Thanh Văn thì, Bồ-tát không cần nói. Lại các thứ niệm là thứ ba các thứ niệm quán. Văn này có hai, một là nêu chương, lại các thứ niệm quán, hai là dẫn kinh.

Như kinh chép: Xá-lợi-phất! tri kiến của Như lai rộng lớn sâu xa, không chướng không ngại, năng lực không sợ, bất cộng pháp căn lực, Bồ-đề phân thiên định giải thoát Tam-muội tam-ma-bạt-đề đều đã đầy đủ. Nên không có giải thích kinh thứ ba. Trong đây đã nói năng lực vô úy. Kinh luận chỗ nào cũng đều giải thích cuối cùng. Lại như văn đã

hiển bày, không cần phải giải thích. Lại như thành tựu bậc nhất v.v...trở xuống là, trước nay thứ nhất là dựa vào kinh nói rộng ba Phương Tiện, nay nói thứ hai luận chú trọng rộng ba Phương Tiện, tức thành ba thứ riêng trong mỗi pháp. Một là nhắc lại, có thể giáo hóa chúng sinh. Thứ hai là giải thích, giải thích luận kinh có khác. Kinh thường theo pháp giải thích, luận chỉ y theo người để giải thích, nên có khác nhau.

Lại như thứ nhất thành tựu có thể giáo hóa chúng sinh, y chỉ tri thiên thức mà thành tựu.

Thứ nhất thành tựu là các thứ phương tiện, nên đã nói lên các thứ phương tiện, giúp cho có khả năng giáo hóa chúng sinh nương vào thiện tri thức được thành tựu.

Thứ hai thành tựu là chúng sinh căn cơ thuần thực khiến được giải thoát. Thứ hai thành tựu là các thứ tri kiến, giúp cho căn cơ thuần thực được giải thoát.

Thứ ba thành tựu là lực gia, được tự tại thanh tịnh hàng phục.

Thứ ba thành tựu hoặc nói lực gia tự tại lấy gia làm chính. Lực đây là mười lực, gia đây là các đức. Đó là lực gia thuộc loại, nên gọi là gia, tự tại thanh tịnh hàng phục, thứ ba là các thứ niệm quán, các thứ niệm quán là nói về năng lực vô úy như trên nêu. Trên là hai thành tựu giáo hóa thành hai thứ chúng sinh. Nay thành tựu thứ ba, đã có đầy đủ tất cả công đức, nên có khả năng hàng phục cùng khắp tất cả chúng sinh. Lại như hai thứ thành tựu trên lợi ích căn cơ thuần thực vẫn chưa thuần thực được chúng sinh. Nay thành tựu thứ ba đã hàng phục được tất cả phiền não của Như lai. Vì vậy nên ở trước nói về đức hóa tha. Nay nói về tự đức, nên môn trước nói nhân tri là hóa tha, sau không nói nhân tri là tự đức.

Thứ tư là thuyết thành tựu: trên đây là nói rộng ba phương tiện đã xong, nay nói rộng thuyết thành tựu thứ tư vẫn chia làm hai, thứ nhất từ đầu đến cuối có bảy thứ, giúp cho chúng sinh tự thân công đức thành tựu. Nói Như lai nói pháp giúp cho chúng sinh tự hành thành tựu v.v.... Thứ hai là từ giáo hóa thành tựu trở xuống. Là nói Như lai nói pháp giúp cho hành hóa tha thành tựu. Trong giải thích hiện điềm lành ở trước, tám thứ như v.v... cũng đều ở trong hai thứ này. Sáu thứ đầu là Phật muốn giúp cho chúng sinh tự hành thành tựu. Hai pháp sau giúp hành hóa tha thành tựu, do đó mà hiện điềm lành. Vậy thuyết định khởi vi vật nói pháp càng giúp cho hai đức thành tựu. Trong tự đức thành tựu có hai, thứ nhất là kinh rộng, thứ hai là luận lược Trong kinh rộng lại chia làm hai, đầu tiên là nhắc lại chương môn hai là, rộng nêu chung lý

do bảy số.

Thứ tư thuyết thành tựu có bảy thứ. Chương này chứng minh Pháp Sư công đức. Pháp Sư tuy có bốn đức mà lại lấy việc thuyết pháp làm chính nên nói người có bảy đức này có khả năng nói pháp cho chúng sinh nghe.

Một là các thứ thành tựu. Hai là chứng minh bảy thứ thành tựu, là thành bảy thứ riêng. Sơ trung có hai, một là nêu chương, hai là dẫn kinh.

Một là các thứ thành tựu. Nói về các thứ thành tựu, đối với tất cả các pháp môn đều tận cùng nguồn cội, sau đó có khả năng nói pháp cho chúng sinh nghe. Như kinh chép: Xá-lợi-phất! chư Phật, Như lai thâm nhập vô tế, thành tựu tất cả chưa từng có pháp. Hai là ngôn ngữ thành tựu cũng chia hai, đầu tiên là nêu chương sau là dẫn kinh.

Hai là ngôn ngữ thành tựu được năm thứ âm thanh hay nói pháp. Ở trên đã nói nội cùng pháp môn. Nay nói bên ngoài có âm thanh hay, sau đó mới có khả năng nói pháp cho chúng sinh nghe. Như kinh chép: Như lai có các thứ phân biệt khéo léo, các pháp ngôn từ mềm dịu làm vui lòng chúng sinh. Ba là tướng thành tựu cũng có ba: đầu tiên là nêu, kế là dẫn kinh, sau là giải thích kinh.

Ba là tướng thành tựu: nói về tướng thành tựu, hãy do thời mà động, đáng nói thì nói, đáng yên lặng thì yên lặng, nên gọi là Tướng. Hai là có chúng sinh lợi căn. Nghe lời nói trước ngộ giải tướng hiện, không cần nói lại, nên gọi là tướng, như kinh chép: v.v... trở xuống là thứ hai dẫn chứng.

Như kinh chép: : hãy thôi Xá-lợi-phất, không nên nói nữa. Có chúng sinh pháp khí trở xuống thứ ba là giải thích kinh. Có chúng sinh pháp khí tâm đã đầy đủ : Là Bồ-tát lợi căn nghe Phật nói kinh Pháp Hoa liền được giải ngộ không cần nhắc lại, mà sau ba lần thỉnh lại nói rộng, nói cho Thanh Văn đôn căn nghe, lại từ trong đó khen ngợi Chư Phật có đức biết căn cơ. Có người lợi căn hiểu được lời Phật, không cần nhắc lại. Thứ tư là kham thành tựu: Ở trên đã nói người lợi căn hiểu được lời Phật không cần nói lại. Nay nói người có khả năng nhận lãnh giáo hóa, vẫn chưa được hiểu nên phải nói cho nghe, đầu tiên là giải thích.

Bốn là kham thành tựu, tất cả giáo hóa chúng sinh đáng đều biết Như Lai thành tựu công đức cao quý ít có, có khả năng nói pháp, kể là dẫn kinh. Như kinh chép: Xá-lợi-phất! Phật thành tựu Pháp bạc Nhất ít có khó hiểu, rất dễ hiểu thứ năm là vô lượng chủng thành tựu, vẫn có ba: một là nêu chương giải thích sơ lược, hai là dẫn kinh, ba là giải

thích kinh.

Năm là vô lượng chủng thành tựu, nói không thể hết được, vô lượng chủng thành tựu là pháp thân đầy đủ các đức do đó không thể nói hết được. Như kinh chép: thứ hai là dẫn kinh. Như kinh chép: Xá-lợi-phất! Chỉ có Phật và Phật nói pháp chư Phật Như lai mới biết được thật tướng rốt ráo của pháp đó. Thật tướng vv..trở xuống, giải thích kinh là thứ ba. Nói thật tướng là nói nghĩa bất biến của thể pháp thân Như lai tạng: ở trong phiền não gọi là Như Lai tàng, còn gọi là Như Lai thai, của thể pháp thân nghĩa bất biến, tuy ở trong phiền não nhưng không bị phiền não nhiễm làm, nên gọi là bất biến. Luận Phật tính nói pháp lưỡng đời có ba biến dị, giải thích nghĩa vô biến dị: một là quả báo hết nên biến dị, hai là đối trị sở phá nên biến dị, ba là niệm niệm diệt nên biến dị. Pháp thân đã xa lìa ba lỗi này: Một là trước sau vắng lặng, vô quả báo đều biến dị; Hai là vô lậu nên vô đối trị phá biến dị, Ba là phi hữu vi, vô niệm niệm hoại biến dị.

Sáu là giác thể thành tựu, văn chia làm ba: đầu tiên là nêu, kế là giải thích, sau là dẫn kinh chứng minh.

Sáu là giác thể thành tựu. Điều năm ở trên là nói về pháp thân. Bây giờ nói về ứng thân, cũng là báo thể thân giác của, là Phật thể của cũng gọi là Phật tính, dùng Phật tính để nói lên là nên gọi là thành tựu. Điều Như lai nói ở dưới, thứ hai là giải thích.

Như lai nói tất cả pháp chỉ có Phật Như lai tự chứng được, ngoài Như lai người nói được tất cả pháp chỉ có Phật tự chứng được tự chứng được là tự chứng được pháp thân; như kinh v.v.... trở xuống là thứ ba dẫn kinh; Như kinh chép: Xá-lợi-phất! Chỉ có Phật, Như lai biết được tất cả pháp. Bấy là thuận theo ý chúng sinh mà nói pháp, tu hành có ba: một là nêu, hai là giải thích, ba là dẫn kinh.

Bấy là thuận theo ý chúng sinh mà nói pháp tu hành thành tựu pháp đó. Điều thứ bảy này là hóa thân, thuận theo ý chúng sinh mà nói pháp tu hành, Phật tùy ý chúng sinh nói pháp giúp cho chúng sinh tu hành theo, thứ lớp bảy pháp này, đó là muốn nói pháp thì phải có bảy đức, một là nối tận cùng cội nguồn của pháp, hai là ngoài có xảo biện, ba là biết yên lặng, bốn là biết ngộ, bốn điều này có hai cặp là trong ngoài, nói nín vv... Nên phải có hai cặp này, phải chuẩn bị từ pháp thân hiện hóa thân. Ba thứ sau là nói ba thân, thành tựu được pháp đó, Như lai thành tựu thuận theo ý chúng sinh, nói pháp cho chúng sinh nghe, vì sao như vậy, điều thứ hai này giải thích, là trong phần nhắc lại kinh các pháp nào, nói pháp là, dùng kinh để giải thích luận.

Hà đẳng như thị: các pháp nào là nhắc lại mở đầu của năm môn, như thị đẳng là, đẳng v.v... trở xuống bốn câu. Như kinh v.v...trở xuống là thứ ba dẫn kinh.

Như kinh chép:: Xá-lợi-phất! Chỉ có Phật, Như lai mới nói được tất cả pháp, thứ nhất các pháp môn v.v... trở xuống. Trên đây thứ nhất y theo kinh giải thích rộng bảy pháp. Nay thứ hai y theo luận lại một lần nữa giải thích bảy pháp. Văn chia làm hai: một là giải thích trước, hai là kết luận trước, giải thích sau. Giải thích bảy chương trước là thành bảy thứ riêng. Thứ nhất các thứ pháp môn, là nhắc lại các thứ thành tựu. Thứ nhất ở trên

Thứ nhất các thứ pháp môn nhiếp lấy chúng sinh. Nhiếp lấy chúng sinh là trọng tâm thấu hiểu tận cùng các thứ pháp môn mới nhiếp lấy được chúng sinh.

Thứ hai là khiến bất tán loạn trụ: là lấy ở ngoài đủ năm thứ âm thanh, nghe âm thanh của Phật hay ,tâm bất tán loạn.

Thứ ba là khiến lấy được: là nghe pháp bất loạn, giúp cho họ nhận lấy pháp.

Thứ tư giúp cho được giải thoát: là dùng nhận lấy pháp nên liền được giải thoát.

Thứ năm là khiến kia: tu hành thành tựu được pháp đối trị: điều thứ năm giúp cho người tu hành được giải thoát nên phải đối trị.

Thứ sáu là khiến kia tu hành tiến thú thành tựu: Điều thứ sáu là giúp cho người tu hành tiến thú, trước giúp cho họ được thấy đạo, nay tiến tới hững thú tu đạo.

Thứ bảy là khiến được tu hành không lui sụt: thứ bảy là giúp cho người được tu hành lui sụt; giúp cho đắc đạo vô học.

Bảy pháp này do tự thân chúng sinh làm ra, được các pháp lành thành tựu. Trên đây thứ nhất là nói riêng bảy pháp. Nay điều thứ hai sắp kết luận trước, giải thích sau. Nói kết luận trước, luận chủ giải thích bảy pháp, Phật nói nói pháp cho chúng sinh nghe giúp chúng sinh tự hành thành tựu.

Bảy pháp này vì thân các chúng sinh tự làm ra điều lành thành tựu.

Hỏi: Bảy pháp này nói như thế nào về tự hành thành tựu?

Đáp: Bảy pháp này là Địa tiền bốn giai vị và địa trên ba giai vị. Thứ nhất được Thập tín vị, nên gọi là nhiếp lấy, nhiếp lấy khiến được nhập vào Thập tín; Thứ hai là giúp cho không trụ tán loạn, là Thập Trụ, cũng gọi là Thập giải; Thứ ba là lệnh thủ là tu Thập Hạnh, nên gọi là

tu làm đầu; Thứ tư là giúp cho được giải thoát. Giải hạnh thuần thực sẽ được giải thoát, là thập hồi hướng; Thứ năm là bước lên Sơ địa là dứt bỏ phiền não, chứng được pháp thân, nên nói được đối trị; Thứ sáu là hai địa, trở lên tu đạo, nên nói là tiến thú; Thứ bảy là giúp cho người tu hành lui sụt mất Từ địa thứ tám trở lên, tránh được ba lui sụt cho đến Phật địa, gọi là Vô Học đạo, do đó có gọi là tự hành thành tựu, lại giáo hóa giúp cho thành tựu. Trên đây đã nói về Phật nói pháp giúp cho chúng sinh tự hành thành tựu. Nay thứ hai là giải thích kinh. Nói Phật nói pháp giúp cho chúng sinh hóa tha thành tựu. Nếu theo thứ lớp sinh nhau, là giải thích điều thứ bảy trong quảng kinh tùy thuận ý của chúng sinh tu hành thành tựu.

Hỏi: Làm sao biết được trước khiến cho chúng sinh đó tự tu hành thành tựu, sau khiến chúng sinh hóa tha hành thành tựu.

Đáp: Phật trong luận và luận chủ có hai giải thích, bảy pháp là tổng kết chung. Bảy pháp này làm cho tự thân chúng sinh thành thực. Nên biết trước là tự tự hành thành tựu. Kế là nói, lại cùng với việc giáo hóa khiến được thành tận cho nên biết là hạnh giáo hóa người. Văn có hai: một là nói chung hóa tha, hai là y cứ siêng năm pháp để nói về hóa tha. Văn lại chia hai: đầu tiên nhắc lại hóa tha chương môn, nên nói lại giáo hóa khiến được thành tựu.

Lại giáo hóa cho được thành tựu: hai pháp này vv,...trở xuống là thứ hai giải thích hóa tha chương môn. Văn chia làm bốn, một là nêu chung hai pháp, hai là nói riêng hai pháp, ba là nói tương mao hai pháp, bốn là nói thứ lớp hai pháp. Dữ hai thứ pháp giúp cho thành tựu thứ nhất văn.

Cho hai thứ pháp khiến họ thành tựu: Thế nào là hai, thứ hai giải thích hai pháp. Thế nào là hai? Một là cho chứng pháp, hai là cho nói pháp cho. Một là cho chứng pháp khiến thành tựu là nói dựa vào chứng pháp mà trao cho, nên hai là nói pháp cho khiến được thành tựu là nói dựa vào nói pháp mà nói cho Phật giúp cho chúng sinh khi nói pháp cho họ nghe, nếu dựa vào y chứng pháp mà nói, thì sẽ trao cho chứng pháp. Giáo pháp cũng như thế. Hai thứ pháp này như đã nói trên. Thứ ba là nêu tương mao hai pháp. Hai pháp này như đã nói ở trên, trước đây kinh Phật thứ nhất đã nói bảy thứ. Phật nội tự chứng bảy pháp sau đó mới nói pháp cho chúng sinh. Điều này là vì chúng sinh nói chứng pháp. Về sau luận chủ đã nói bảy pháp. Nếu y theo kinh Phật giúp nghe mà nói giáo pháp. Dựa vào hai pháp này có thứ tự nào; thứ tư là nói thứ lớp của hai pháp. Văn có hai: đầu tiên là hỏi, thứ lớp hai là nói của pháp.

Dựa vào hai pháp này có thứ lớp nào mà được tu hành? Hai pháp có thứ lớp nào mà được tu hành, là câu văn trước kia được nói lại, nên biết. Là giải thích thứ hai, là câu văn trước kia nói lại nên biết. Nếu dựa vào thứ lớp tu hành thì trước dựa vào bảy pháp của Luận chủ để giải thích tự hành thành tựu. Sau đó dựa vào bảy pháp của Phật mà được hóa tha, vì thế nói là nói lại, nên biết. Nếu dựa vào thứ lớp của Phật thì trước nói về sự thành tựu của bảy pháp. Sau đó mới được hóa tha, như bảy pháp của Luận chủ, lại dựa vào chứng pháp có năm thứ trở xuống v.v... trên đây thứ nhất nói chung là hóa tha rồi. Nay y cứ riêng thứ hai gộp năm pháp lại để nói về hóa tha. Văn có hai, nay là y theo chứng pháp để giải thích năm pháp, hai là thâu tóm giáo pháp để giải thích năm pháp. Văn đầu lại có hai: một là nêu ra năm pháp, hai là giải thích năm pháp. Việc nêu lên chứng pháp đầu tiên có năm thứ, lại dựa vào chứng pháp có năm thứ, dùng nội tâm giải thích năm pháp, gọi là chứng, từ một trở xuống, theo thứ lớp nêu ra năm pháp: một là hà đẳng pháp, hai là vân hà pháp, ba là hà tự pháp, bốn là hà tướng pháp, năm là hà thể pháp. Kinh của La-thập có mười pháp, nay nói năm pháp, có thể là bản Pđườn rộng lược khác nhau, khó biết tường tận được, cũng có thể là năm pháp này nhiều lấy mười pháp kia, hãy tự suy đoán.

Hỏi: Vì sao chỉ nói năm pháp?

Đáp: Muốn hóa tha thì phải biết pháp. Năm pháp này nhiếp hết tất cả pháp. Nếu chứng pháp, hoặc giáo pháp thì đều nằm trong năm pháp này cả. Đó là dùng sự hóa tha phải biết năm pháp.

Hà đẳng pháp: Thứ hai là giải thích, chu hể giải thích. Theo cách ba thì chu đầu tiên y theo ba thừa Nhất thừa, lại giải thích y theo pháp y theo người để giải thích năm pháp.

Hà đẳng pháp là nói về pháp Thanh Văn, pháp Bích-chi-phật và pháp Phật cho nên ; vân hà pháp là nói về các thứ sự việc cho nên hà tự pháp là dựa vào ba môn được thanh tịnh. Hà tướng pháp là nói ba thứ nghĩa nhất tướng pháp. Hà thể pháp là không hai thể. Không Vô hai thể là nói vô lượng thừa chỉ có nhất Phật thừa, không có hai ba.

Hà đẳng pháp. Hỏi: Pháp gọi là pháp Ba thừa, Phật chỉ chứng Nhất thừa.

Vì sao nói chứng pháp có Ba thừa?

Đáp: Trong Phật chiếu đạt Ba thừa nên gọi là chứng Ba thừa. Lại từ Ba thừa này giúp cho chúng sinh được chứng, nên gọi là chứng pháp.

Vân là pháp: Trách sở nhân các pháp khởi, pháp gọi là Ba thừa

này nổi lên từ đâu? Nổi lên bởi các thứ giáo Ba thừa. Vân hà pháp là khởi lên các việc hoặc giảng nói pháp, hoặc thí dụ, tùy thời tùy người nói pháp Ba thừa.

Hà tự pháp: Trách pháp thí thứ. Nhiếp Luận có hai giải thích: một là dùng lý pháp làm tự, dùng lý tựa như môn; hai là được quả làm tự pháp, dùng quả tựa như nhân. Lại quả và văn lý tương tự, nay nên dùng quả làm tự pháp. Hai câu trước nói về pháp Ba thừa, nay được quả Ba thừa, nên văn nói dựa vào ba thứ môn để được thanh tịnh.

Hà tướng pháp: Trách pháp ngoại tướng, ba câu trên đây nói pháp Ba thừa, dưới đây hai câu nói về pháp Nhất thừa, nói giáo Ba thừa khấn quy về Nhất thừa, Nhất thừa là nhất Tướng.

Hà thể pháp: Trách pháp nội thể nghi, lấy nhất Phật thừa là thể, không có hai, ba Duyên giác là hai, Thanh Văn thứ ba. Lại có nghĩa v.v...trở xuống là, chu thứ hai giải thích năm pháp. Trước y theo Ba thừa, Nhất thừa để giải thích năm pháp. Nay y cứ chung để giải thích tất cả pháp. Cũng được mỗi môn nhiếp tất cả pháp. Lại giải thích y theo lý, y theo sự để giải thích. Lại có nghĩa hà đẳng pháp là nói mười pháp vô vi pháp hữu vi v.v... vân hà pháp là nói về pháp nhân duyên mà không phải là pháp nhân duyên v.v... Hà tự pháp nói về pháp thường, pháp vô thường, v.v... Hà tướng pháp nói về sinh đẳng ba tướng pháp bất sinh đẳng ba tướng pháp. Hà thể pháp là nói về năm ấm thể không, phải là thể năm ấm. Đầu tiên có pháp môn hữu vi và vô vi. Là Ba hữu vi, ba vô vi nhiếp y được hết các pháp. Thứ hai trách sở nhân của pháp khởi. Nhân duyên, phi nhân duyên, pháp vô vi không sinh ra từ nhân duyên. Hà tự pháp trách kỳ tử thứ, nói pháp thường, vô thường cũng nhiếp tất cả pháp.

Hỏi: Thường, vô thường hữu vi, vô vi có gì khác với?

Đáp: Nếu thủ nhiếp pháp luận gọi là nghĩa dị thể không có gì cùng khác. Nhược thủ dị là nói về hữu vi vô vi là ba vô vi và ba hữu vi. Nay thường và vô thường là nói pháp thân thường ứng hóa vô thường. Ở Sau cùng nên giải thích.

Hỏi: Thường và vô thường vì sao gọi là tự pháp?

Đáp: Chứng được quả vô thường nên nói là tương tự, cũng được lý vô thường với văn tương tự. Hà pháp tướng là trách pháp tướng. Pháp Hữu vi có ba tướng là sinh trú diệt. Pháp Vô vi có ba tướng là vô sinh, vô trú, và vô diệt. Hai pháp này cũng nhiếp tất cả pháp.

Hỏi: Ba tướng như tướng sinh v.v..., ba tướng như tướng bất sinh v.v... thường, vô thường, hữu vi vô vi có gì khác với?

Đáp: Y theo tướng không giống nhau, nên khác nhau. Thể càng không khác, hà thể pháp là trách pháp thể, năm ấm là thể, chẳng phải năm ấm là thể vô vi, y theo năm ấm thể chẳng phải thể không giống nhau. Hai thứ này cũng nhiếp được tất cả pháp. Còn tất cả pháp thì phải có năm nghĩa. Nói vi vô vi cho đến ấm hoặc phi ấm, như Trí luận chép: tất cả pháp đều phải có đủ chín nghĩa. Lại như hà tự pháp, thứ ba là chu thích, chỉ giải thích nghiêng về ba pháp, không giải thích hai điều trước.

Lại hà tự pháp là nói pháp vô thường, pháp hữu vi, pháp nhân duyên. Hà tướng pháp là nói có thể thấy các pháp. Hà thể pháp là nói về năm ấm năng thủ sở thủ, dùng năm ấm làm thể của khổ tập. Lại Năm ấm là thể của đạo đế. Trong hà tự pháp lấy các pháp vô thường, nhân duyên hữu vi này, v.v... nêu thứ tương tự. Hà tướng pháp là lấy tướng sáu trần thấy, được nghe được. Hà thể pháp, hữu lậu năm ấm là thể của khổ tập. Năm ấm Vô lậu làm thể của đạo đế. Lại có nghĩa khác v.v...trở xuống trên đây ba chu là nói nên trao cho chúng pháp trao cho chúng pháp rồi. Chu thứ hai này nói nên trao thuyết pháp là, trao cho thuyết pháp. Lại có nghĩa khác dựa vào thuyết pháp thuyết Hà đẳng pháp là nói danh cú tự thân, v.v... Vân hà pháp là dựa vào pháp do Như lai nói. Hà tự pháp là nói có đáng năng giáo hóa độ chúng sinh khả hóa. Hà tướng pháp là nói dựa vào âm thanh để lấy cho nên nương vào âm thanh để nhận lấy pháp kia.. Hà thể pháp là giả danh thể pháp tướng nghĩa vì khác với chúng pháp trên nên nói lại có nghĩa khác. Nói pháp phải có đủ năm thứ: Một là có danh tự cú thân, Hai là dựa vào nhân mà Phật nói; Ba là dựa vào chúng sinh đáng hóa độ để so sánh. Các chúng sinh có thể hóa độ được thì hóa độ, không thể hóa độ được thì không hóa; Bốn là trách tướng, dựa vào âm thanh để lấy được các pháp đã nói; Năm là các pháp đã nói đã có những giả danh trách thể.

Hỏi: Dựa vào luận kệ này của làm sao tụng hai thứ công đức ở trên Đáp: Ba bài kệ đầu nói về pháp công đức trên diệu của kệ tụng, ngoài ra đều tụng Pháp Sư công đức. Trong pháp công đức trên diệu có hai: Hai bài kệ đầu nói chứng sâu xa, kệ sau nói về A-hàm sâu xa. Trong chứng sâu xa ở đâu, luận chủ mở ra năm nghĩa. Nay vẫn chia ra làm hai: bài kệ đầu nói chung về sâu xa, bài kệ sau nói về công đức sâu xa. Cũng như bài kệ đầu, là những người khả năng chứng được sâu xa. Bài kệ thứ hai nói về pháp sở chứng sâu xa. Trong văn xuôi chỉ nói về trí tuệ một đức sâu xa. Trong kệ nói về tất cả công đức sâu xa. Bài kệ sau khen ngợi A-hàm sâu xa. A-hàm sâu xa ở trên có tám thứ, nay đem

ra tụng trước sau thành bốn thứ. Câu đầu tụng đệ nhất thọ trì đọc tụng sâu xa, câu sau tụng tu hành thứ hai sâu xa. Câu kế tụng ưa thích sự sâu xa. Câu kế tụng thứ tám bất cộng sâu xa. Hành các đạo này trong vô lượng ức kiếp ở dưới. Tụng Pháp Sư công đức, Pháp Sư công đức ở trên có hai: đầu tiên là lược, sau là rộng, nay kệ nhiếp chung làm hai: Bài kệ thứ nhất khen ngợi Như lai tự đức công đức là giúp cho chúng sinh tự hành thành tựu. Bài kệ thứ hai trở đi trong bài tụng giúp cho chúng sinh hạnh hóa tha thành tựu. Bài tụng trong từ khi ta thành Phật đến nay rốt ráo cùng tận các pháp thật tướng vẫn. Từ đại quả báo như thế trở đi. Bài tụng trong nói về công đức hóa tha. Vẫn có hai: đầu tiên là nêu cả hai chương môn. Kế là cả hai giải thích hai chương môn. Song nêu là đầu tiên nêu Phật Phật giải chương môn, kế nêu chúng sinh bất giải chương môn. Nêu Phật giải chương môn nói Phật khả năng có tự hiểu, kế nêu chúng sinh không hiểu phải giáo hóa chúng sinh giúp cho chúng sinh được hiểu. Từ dù cho đây thế gian là giải thích hai chương môn. Đầu tiên giải thích chúng sinh không hiểu chương môn, từ lại bảo Xá-lợi-phất v.v...trở xuống là giải thích chỉ có Phật hiểu chương môn. Phẩm Phương tiện, kinh phải dựa vào luận để giảng. Kệ cũng tụng theo ý luận, tụng văn xuôi, văn cú khác không thể biết được. Từ đây v.v...trở xuống là dựa vào ba thứ nghĩa để nói lên. Trên đây giải thích diệu pháp công đức, Pháp Sư công đức, nghĩa hai chương trong phẩm phương tiện đã xong nay. Giải thích thứ ba đại chúng ba nghĩa, là giải thích trong ba thỉnh, đầu tiên thỉnh văn kinh, văn chia làm hai, đầu tiên nêu ba nghĩa, thứ hai là giải thích riêng ba nghĩa. Đầu tiên lại có ba, thứ nhất là nêu chung ba nghĩa.

Dưới đây là thứ lớp dựa vào ba nghĩa, thứ nhất trở xuống, thứ hai là riêng ba nghĩa: Một là nghĩa quyết định, hai là nghĩa nghi, ba là dựa vào việc nào nghi nghĩa, là nên khéo biết, thứ ba là khuyên biết ba nghĩa. Nên khéo biết nghĩa quyết định. Thứ hai là riêng giải thích ba nghĩa tức thành ba, trong mỗi nghĩa có hai, trước là dùng nghĩa để giải thích, dẫn kinh nói về chỗ giải thích. Quyết định nghĩa là có phương tiện Thanh Văn chứng được pháp sâu xa làm quyết định. Tâm ở trong đạo Thanh Văn được phương tiện Niết-bàn chứng nên tri là hai thứ chứng pháp nói lên ra pháp vô vi và pháp hữu vi. Có Thanh Văn phương tiện chứng được thâm pháp làm tâm quyết định, ở đây nói phương tiện bao gồm trong Thanh Văn tu Niết-bàn xứ phương tiện, không phải phương tiện khéo léo. Ở trong đạo Thanh Văn được phương tiện Niết-bàn chứng, phương tiện này là quyền phương tiện thật không phải Niết-bàn Thanh

Văn. Phương tiện nói có Thanh Văn Niết-bàn mà cho đó là rốt ráo, nên nói là quyết định hai thứ chứng pháp như thế, điều này xuất xứ từ pháp sở chứng của Thanh Văn. Pháp Hữu vi, vô vi là hai thứ công đức hữu vi vô vi. Chứng được hai thứ công đức này cho là rốt ráo. Hai thứ Niết-bàn là công đức vô vi. Khi trú hữu dư Niết-bàn không có lậu giới định tuệ vô lậu. Đây là công đức hữu vi, như kinh v.v... trở xuống. Thứ hai là dẫn kinh nêu chỗ giải thích. Trong đại chúng như kinh chép: lúc đó có các Thanh Văn lậu tận A-la-hán cho đến cũng được pháp môn này đến Niết-bàn. Cũng được pháp môn này là nói bậc trên hữu vi bậc. Đến Niết-bàn là nói về trên vô vi. Nghi nghĩa là giải thích thứ hai, chương môn cũng có hai, trước là giải thích, sau là nêu kinh chỉ chỗ.

Nghi nghĩa là nói Thanh Văn, Bích-chi-phật, v.v... có những điều không thể biết, nên điều này sinh nghi. Nói Hai thừa biết là phương tiện Nhất thừa là chân thật, nên sinh nghi, như kinh chép: v.v...trở xuống là thứ hai chỉ ra chỗ giải thích. Như kinh chép: mà nay không biết nghĩa này hướng về đâu. Dựa vào việc nào để nghi. Giải thích điều thứ ba cũng có hai: trước giải thích, sau dẫn kinh. Y theo văn có hai: trước dựa vào tích giáo sinh nghi, hai là dựa vào kim giáo sinh nghi.

Y theo sự nghĩa nghi nghe Như lai nói Thanh Văn giải thoát không khác với giải thoát của phật nên sinh nghi, nói ba thừa giải thoát không khác. Nghe tích giáo không khác nên sinh nghi. Nói sinh nghi ở trước. Thứ hai là nghe kim giáo sinh nghi. Nói sinh nghi là sinh nghi ở trong nhân. Việc này thế nào? vì sao Như lai thường nói cảnh giới sâu xa. Trước nói sâu xa, sau nói sâu xa khác với Thanh Văn như thị v.v... nên sinh nghi. Kim giáo nói về Phật giải thoát của khác với Hai thừa giải thoát của, chính là dùng nay nghi xưa. Thuyết ngày nay nếu không khác với xưa nói là chẳng nên nói thì không khác. Thuyết xưa nếu không khác nay không nên nói khác, mà nói sinh ra nghi trong nhân. Tuy xưa và nay nghi ngờ lẫn nhau mà chính là chấp, giáo xưa nghi giáo nay. Như kinh trở xuống là thứ hai chỉ chỗ giải thích.

Như kinh lúc đó Xá-lợi-phất biết bốn chúng tâm nghi của cho đến nói kệ. Dưới đây điều thứ tư trong phẩm Phương Tiện nói Như lai bốn nghĩa của, là giải thích đệ nhất dứt thỉnh rồi bỏ mười phương thế giới còn không có hai thừa, sao lại có ba được? Văn chia làm hai, một là nêu chung bốn việc khuyến tri, thứ hai là giải thích riêng bốn việc, đầu tiên lại có ba câu, thứ nhất là nêu chung, dưới đây là nói lên dựa vào bốn thứ sự để nói, hai là nêu.

Một là quyết định tâm, hai là nhân thọ ký, ba là nhận thọ ký, bốn

là thụ ky cho là, ba khuyên biết.

Nên biết thế nào là quyết định tâm v.v...trở xuống là: Thứ hai là giải thích bốn việc, là bốn thứ khác nhau. Đầu tiên vẫn có hai: thứ nhất giải thích trước tâm quyết định của Phật. Thứ hai giải thích năm thứ kinh sợ. Đầu tiên có ba câu, một là nêu tâm quyết định, đã sinh ra kinh sợ, là thứ hai giải thích tâm quyết định bởi Như lai đã có tâm quyết định. Là Thứ ba kết thúc tâm quyết định.

Thế nào là tâm quyết định: tâm quyết định, Phật ý quyết định xử dứt sự kinh sợ, giúp cho được lợi ích gọi là tâm quyết định. Đã sinh sợ hãi: thì Khiến dứt sợ hãi để được lợi ích cho hai hạng người. Lại nói hai hạng người, Thanh Văn có bốn: 1. quyết định. 2. Lui sụt tâm Bồ-đề, 3. biến hóa, 4. Tăng trên mạn. Nay có hai hạng người: Lui sụt tâm và biến hóa được lợi ích, nhưng nói hai hạng người chính là người Hai thừa. Lại nói hai hạng người: 1 có . sợ hãi, 2. không lợi ích, vì còn sợ hoặc và vô giải, gọi là hai hạng.

Hỏi: Tâm quyết định này giải thích văn kinh chỗ nào?

Đáp: –Giải thích ý Phật ngăn thính ,nhưng chưa giải thích dừng thính văn, sợ dĩ dừng ý là muốn quyết định lợi ích chúng sinh.

Cho nên Như lai có tâm quyết định, nên biết sự sợ hãi này có năm thứ nên biết.

Kế là giải thích riêng năm thứ sợ hãi, là người, làm việc đầu tiên nêu chung năm thứ.

Nên biết sự sợ hãi này có năm thứ,kế là giải thích riêng năm thứ, tức thành năm thứ khác nhau, làm bớt sợ hãi: chấp Tiểu thừa chê bai. Đại thừa nên gọi là “Tổn”. 1. chia thành hai chương môn, 2. giải thích hai môn:

1. Bớt sợ hãi nghĩa là chúng sinh Tiểu thừa như thủ chứng quả Thanh Văn cho là thật, chê bai không có Đại thừa.

Nói hai môn: Người chấp Tiểu thừa chê bai Đại thừa. Không nói Đại thừa là hoàn toàn không. Chỉ dẫn Đại thừa là cảnh giới Bồ-tát phi ngã, Hai thừa học đạo mà. Nói chê bai không có Đại thừa v.v...trở xuống là thứ hai.

2. Chê bai Đại thừa mà nói rằng v.v.... Là giải thích hai chương môn.

Mà nói rằng Như lai nói quả A-la-hán rốt ráo Niết-bàn ta đã thủ chứng rốt ráo. Như thế thủ chứng Niết-bàn là A-la-hán không nhập Niết-bàn, vì còn sợ hãi như thế.

1. Trước giải thích thủ chứng Tiểu Thừa, nên A-la-hán không

nhập Niết-bàn. ở đây giải thích chệch Đại thừa, vì Đại thừa không nói A-la-hán nhập Niết-bàn.

2. Còn nhiều điều sợ hãi: các chúng sinh căn tánh Đại thừa nghĩ rằng trong vô lượng kiếp ta thực hành hạnh Bồ-tát chịu nhiều khổ sở, vì nghĩ như vậy nên sinh tâm sợ hãi, khởi tâm chấp khác nhau, nên sợ hãi. Nghĩa là hàng Tiểu thừa kia nói, chúng sinh không liên quan đến việc của ta, nhưng trong thời gian dài tu khổ hạnh, nên muốn độ thoát. Lui sụt tâm Đại-thừa, thủ chứng Đại thừa gọi là sợ hãi. Lại giải thích Đại thừa nhiều điều, nên lui sụt Đại thừa thủ chứng tiểu thừa.

3. Sợ hãi điên đảo: Tâm phân biệt có ngã và ngã sở, các pháp thân kiến bất thiện, đó gọi là sợ hãi. Thật ra không có người và pháp mà chấp có người và pháp, nên gọi là điên đảo.

4. Sợ hãi vì tâm hối tiếc: Đại đức Xá-lợi-phất nghĩ rằng. Ta không nên chứng pháp Tiểu thừa như thế, hối tiếc như thế là tự ngừng, nên biết tâm hối tiếc này gọi là sợ hãi. Hối tiếc chứng tiểu thừa cũng gọi là sợ hãi.

Hối tiếc thủ chứng Tiểu thừa là đúng đạo lý, vì sao gọi là kinh hãi?

- Không nên thủ chứng Tiểu Thừa mà thủ chứng Tiểu thừa rồi, lại hối tiếc thủ chứng Tiểu thừa, nên cũng gọi là điều kinh hãi.

5. Kinh hãi vì lừa dối nhau: Những các Thanh Văn tăng trên mạn ngữ rằng, vì sao Đức Như lai lừa dối chúng ta, vì sợ hãi như thế. Tăng trên mạn cho rằng Phật nói Nhất thừa là lừa dối người Hai thừa, nên gọi là dối nhau. năm thứ kinh hãi này là năm hạng người sau: 1. người chấp vào Tiểu thừa, là năm ngàn vị Tỳ kheo. 2. người Đại thừa, 3. người Ngoại đạo, 4. Hối tiếc đã người thủ chứng Tiểu thừa, 5. người tăng trên mạn.

Nhân thọ ký là, giải thích môn thứ hai, văn chia làm hai: 1. Nhắc lại tên chương, 2. giải thích.

Nhân thọ ký: mà nói nhân thọ ký là giải thích ý Phật dạy dừng thỉnh nữa. Sở dĩ Phật nói từng thỉnh nữa là vì muốn thọ ký cho người thành Phật. Ở đây Phật nói từng thỉnh nữa là nhân duyên thọ ký, cũng là do Ngài muốn thọ ký cho chúng sinh, nên Phật nói thôi từng thỉnh. nên gọi là nhân thọ ký.

Hỏi: Quyển thứ hai ở sau mới thọ ký, tại sao nay đã nói việc thọ ký?

Đáp: Ở đây muốn giải thích ý Phật, nhưng Phật muốn thôi dừng thỉnh nữa là ý Phật muốn cho người Hai thừa được thọ ký thành Phật.

Hỏi: Thôi đừng thỉnh nữa làm sao được thọ ký thành Phật?

Đáp: - Ba lần Phật ngăn không cho thỉnh có ba điều lợi là nhân của đừng thỉnh nữa. Như kinh chép:v.v... trở xuống thứ hai là giải thích văn chia làm hai: 1 giải thích ba lần Phật dạy thôi. 2. giải thích hai lần thỉnh, đầu tiên lại có hai. 1. Nhắc lại ban đầu thôi thỉnh nói kinh nhắc đồng thời lại hai lần khác đừng nói kinh.

Như kinh chép: Phật nói thôi thôi Xá-lợi-phất không nên nói nữa. Nếu nói việc này thì tất cả thế gian các trời, người đều kinh hãi, đây là nhân thọ ký sinh sợ hãi.

- Giải thích thôi thưa thỉnh có hai: 1.Nhắc lại, 2. giải thích.

Nhân thọ ký này đều sinh sợ hãi, đây là nhân thọ ký nhắc lại tên chương. Đều sinh sợ hãi ý vẫn nói đừng thỉnh nữa vì người trời đều sinh sợ hãi nên phải dừng, có ba nghĩa v.v...trở xuống. Thứ hai là giải thích, đầu tiên là nêu chung ba nghĩa.

Có ba nghĩa: từ điều thứ nhất về sau là, giải thích riêng ba nghĩa, tức thành ba điều khác nhau.

1. Muốn cho kia và đại chúng suy tìm cảnh giới nhiệm mầu sâu xa và để cho đại chúng suy lường.vì

1. Muốn cho kia và đại chúng suy tìm cảnh giới nhiệm mầu sâu xa nên Phật bảo đừng thỉnh nữa vì Ngài không muốn nói pháp, thì phải biết pháp này là nghĩa nhiệm mầu sâu xa, nay mọi người có thể tìm kiếm, thế nào là pháp sâu xa? nếu ba thừa là pháp.Sâu xa thì ngày xưa Phật đã nói, không nên nói thôi đừng thỉnh nay Phật nói thôi đừng thỉnh, thì phải biết ngoài Ba thừa có riêng pháp mầu. Phật muốn cho đại chúng tâm nghi ngờ như thế, nên nói thôi đừng thưa thỉnh, là lợi ích thứ nhất là nhân thọ ký.

2. Muốn đại chúng sinh tâm trọng pháp kính người, Muốn cho đại chúng sanh tâm tôn trọng rất ráo muốn nghe Như lai nói.

3. Muốn những hạng người tăng trên mạn ra khỏi pháp hội. Ba là vì khiến cho các Thanh Văn là những vị tăng Thượng mạn lìa bỏ pháp tòa mà đứng dậy đi.

Hỏi: Hai điều trước lợi ích cho đại chúng, một điều sau vì sao cũng là lợi ích?

Đáp: - Hạng Người tăng trên mạn nếu ở trong pháp hội là nhân làm chướng ngại cho đại chúng không được thọ ký nên để họ ra khỏi pháp hội. Hơn nữa chúng thấy người pđưới tội đã ra khỏi pháp hội càng sinh tâm trọng pháp quý người, lại càng phát tâm siêng cầu nghe pháp cao quý nên cũng là điều lợi ích cho đại chúng. Ba nghĩa này là

văn giải thích ba lần Phật giảng Thứ nhất là trước thỉnh sau dừng, còn lại thứ hai là thỉnh sau dừng trước. Thứ hai là thỉnh rồi, trên giải thích ba lần giảng Phật. Nay giải thích thứ hai này sau hai lần thỉnh.

Hỏi? Tại sao không giải thích lần thỉnh đầu?

Đáp: Trong chương thứ ba trước quyết định có ba nghĩa đã giải thích lần thỉnh đầu, nên nay chỉ giải thích hai lần thỉnh sau.

Hỏi: Giải thích hai lần thỉnh sau, tại sao thuộc về nhân thọ ký?

Đáp: Hai lần thỉnh sau nói về quá khứ gia trồng gốc lành hiện tại tu phước thì đây là nhân duyên thọ ký. Hơn nữa, hai lần thỉnh này nói lên được sự trọng pháp kính người đây chính là nhân duyên thọ ký.

Lần Thỉnh cũng là trọng pháp kính người, vì sao không phải quyết định nhân duyên thọ ký?

- Trong lần thỉnh đầu, tâm quyết định là chấp và nghi. Chấp thì chấp Tiểu thừa chê bai Đại thừa, không chấp nhận lời Phật. Nghi thì còn do dự chưa tin, chưa tin trọng pháp kính người, nên không phải nhân thọ ký, nên văn giải thích hai lần thỉnh có hai ý, trong mỗi lần thỉnh chia làm hai: 1. Giải thích, 2. Dẫn kinh. Lần thỉnh thứ hai nói sự giáo hóa của Phật từ vô lượng kiếp quá khứ.

Lần thỉnh thứ hai là nói về sự giáo hóa chúng sinh của Chư Phật từ vô lượng kiếp quá khứ. Như kinh chép: vô số hội cho đến đã nghe Phật nói nhiều thì sẽ kính tin. lần thỉnh thứ ba là sự giáo hóa của Phật hiện nay hơn bốn mươi năm.

Lần Thỉnh thứ ba là nói về sự giáo hóa chúng sinh của Phật hiện nay. Như kinh chép: nay trong hội này như chúng ta v.v... là so sánh cho đến đêm dài an ổn được nhiều lợi ích, văn xuất xứ để hiểu được thọ ký. Giải thích được thọ ký: thứ ba. Một là Nhắc lại chương.

Người được thọ ký: Từ Xá-lợi-phất trở xuống là giải thích thứ hai, Xá-lợi-phất, v.v... muốn được thọ ký, hai là

2. Dẫn kinh: Như kinh chép: Phật bảo ngài Xá-lợi-phất. Các thầy đã ba lần thưa thỉnh, chẳng lẽ không nói cho các thầy nghe hay sao? Nay các thầy hãy lắng nghe như thế v.v....

Phật nhận lời thưa thỉnh của Xá-lợi-phất, hứa khả chỉ dạy, vì sao ngài Xá-lợi-phất được thọ ký?

Vì trong cơ duyên, ngài Xá-lợi-phất muốn được thọ ký thành Phật, nên Phật chấp nhận lời thưa thỉnh.

Thọ ký cho là giải thích chương thứ tư đây là, giải thích chánh thuyết, từ đầu đến cuối, văn kinh ở năm trước trước.

Hỏi: Nay chính thức nói kinh Pháp Hoa, vì sao gọi là thọ ký cho?

Đáp :Sở dĩ nói kinh Pháp Hoa vì Ngài muốn thọ ký cho chúng sinh thành Phật. Đây là giải thích Phật môn, văn chia làm hai: 1. Nhắc lại tên, 2. Giải thích.

Thọ ký: cho trong giải thích có hai: 1. Chánh thích, 2. Dẫn hai pháp trước để chứng minh giải thích đầu tiên lại có ba. Trước chia làm sáu môn, kế là giải thích sáu môn, sau kết thúc sáu môn, là mở ra kinh chánh thuyết này là sáu môn. Sau kết thúc sáu môn là kết mở chánh thuyết kinh này là sáu môn.

Nên biết có sáu: 1. chưa nghe làm cho được nghe, 2. Thuyết, 3. Nướng vào những nghĩa nào, 4. Làm cho trụ, 5. Nướng pháp, 6. Ngăn người chưa nghe, hai là thứ giải thích sáu môn thì thành sáu thứ khác nhau. Nên đầu tiên chia làm hai, chưa nghe giúp cho nghe là, nhắc lại tên chương như, kinh chép v.v...trở xuống là, trình bày chỗ giải thích.

Chưa nghe khiến được nghe: Pháp Nhất thừa xưa chưa hề nghe nay được nghe, nên nói chưa nghe giúp cho nghe.

Như kinh chép: này Xá-lợi-phất! pháp nhiệm mầu như thế lúc Chư Phật Như lai nói pháp này cũng như hoa Ưu-đàm nở, như thế, v.v... trở xuống là.

Giải thích chương môn thứ hai: lại chia thành ba phần khác nhau.

1. Nêu chương, 2. Dẫn kinh, 3. giải thích kinh.

1/Người nói: hỏi: Vì sao gọi là .

–Đáp:Muốn nói Ba thừa không có ba lý chỉ có tên gọi, nên gọi là nói, như kinh chép: v.v...trở xuống :là thứ hai

2/ Dẫn kinh: Như kinh chép: này Xá-lợi-phất ta dùng vô số phương tiện và các thứ nhân duyên thí dụ ngôn từ giảng nói các pháp, như thế v.v..., các thứ nhân duyên v.v...trở xuống là thứ ba

3/ Kinh giải thích các thứ nhân duyên, cái gọi là ba thừa. Ba thừa kia chỉ có danh từ, chương cú ngôn thuyết không có nghĩa thật, vì thật nghĩa kia không thể nói. Các thứ nhân duyên đây là nhắc lại kinh, cái gọi là ba thừa là . Giải thích các nhân duyên cho, vì các nhân duyên nên nói Ba thừa, nói Ba thừa là các thứ nhân duyên. Lại ,Ba thừa, nhập đạo đều có nguyên nhân đạt đến, nên gọi là các thứ nhân duyên. Ba thừa kia thật ra chỉ có tên gọi, như đã giải thích trong phần chương danh ở trước và gọi là nói. Lại trong kinh giải thích câu “Ngôn từ giảng nói” vì thật nghĩa kia không thể nói. Thực nghĩa là không có ba thừa, vì lời dứt, nghĩa bật nên không thể nói.

Hỏi:Vì sao kinh không giải thích “Vô số phương tiện và thí dụ”.

Đáp:Câu thứ hai này văn sau sẽ giải thích. Lại vô số phương tiện

ở trên đã giải thích rồi.

Nương vào nghĩa nào là giải thích chương ba? văn cũng chia làm ba: 1. Nhắc lại chương, 2. Dẫn kinh, 3. Giải thích kinh.

Nương vào nghĩa nào: trong kinh nói là “Một việc nhân duyên lớn” Luận nói nhân duyên là lý do cho nên là nầy nghĩa, nay nương vào nghĩa nầy nên xuất hiện ở đời, nên nói nương vào nghĩa nào.

Lại nương vào nghĩa nào: Vì nương vào bốn nghĩa “Khai, thị, ngộ, nhập, nên nói nương vào nghĩa nào:

Lại Đối với Ba thừa ở trên có lời mà không có nghĩa. Nhất thừa vừa có lời vừa có nghĩa, nên nói nương vào các nghĩa nào. Như kinh v.v...trở xuống là thứ hai dẫn kinh.

Như kinh chép:: Này Xá-lợi-phất! “Chư Phật Thế tôn vì một việc nhân duyên lớn nên xuất hiện ở đời” như thế v.v.... Một việc nhân duyên lớn v.v...trở xuống là thứ ba giải thích kinh.

Văn chia làm hai: 1. Nêu bốn việc khuyên biết. Một việc nhân duyên lớn nương vào bốn nghĩa phải khéo biết. Bốn nghĩa là gì v.v...trở xuống :là thứ hai. Giải thích bốn nghĩa riêng, thành bốn thứ khác nhau. giải thích mở rộng nghĩa chia thành ba: 1. Nêu chương giải thích lược sơ, 2. Dẫn kinh, 3. giải thích kinh.

Nêu chương Vô Lượng Nghĩa: Bốn là gì? 1. Vô Lượng Nghĩa chỉ trừ trí nhất thiết trí của Như lai v.v...trở xuống là thứ hai. Giải thích chương: chỉ trừ trí Nhất thiết trí của Như lai, không còn việc khác, trừ Phật, ngoài ra người Hai thừa, trời, người trí tuệ sở tri đều có giới dưới, chỉ có tri kiến Phật là vô thượng. Nay muốn khai mở tri kiến Vô thượng, nên nói là khai Phật tri kiến, như kinh chép v.v...trở xuống là.

Thứ hai Dẫn kinh: kinh chép:Đức Phật muốn mở bày “Tri kiến Phật” cho chúng sinh biết để được thanh tịnh, nên Ngài xuất hiện ở đời.

Muốn cho chúng sinh biết được thanh tịnh: giải thích ý khai tri kiến Phật. Sở dĩ Ngài khai tri kiến Phật là vì muốn cho chúng sinh biết được và được sự thanh tịnh. Muốn cho chúng sinh biết được Phật tánh và được thanh tịnh, ý thứ nhất giúp cho chúng sinh biết và làm cho chúng sinh thanh tịnh.

Phật tri kiến: giải thích là thứ ba kinh.

Tri kiến Phật: Như lai là năng chứng, nên Ngài dùng trí như thật để biết được nghĩa kia. đây là giải thích tri kiến Phật, bốn chữ khai, thị, ngộ, nhập đều có tri kiến Phật, nay nương vào chương đầu để giải thích chung những chữ này. Như lai năng chứng dùng trí như thật biết nghĩa

ấy. Như lai năng chứng là năng chứng pháp thân, trí Như thật xuất phát từ trí năng chứng. Biết được nghĩa ấy, nghĩa ấy là pháp thân, xuất phát từ pháp thân sở tri.

Đồng với nghĩa v.v...trở xuống là thứ hai là giải thích văn cũng chia làm ba: 1. Nêu chương, 2. Dẫn kinh, 3. Giải thích kinh.

Đồng nghĩa: Vì pháp thân của các Thanh Văn, Bích chi Phật và Phật bình đẳng. Đồng nghĩa như giải thích ở trên. Vì pháp thân của Thanh Văn, Bích-chi-phật và Phật bình đẳng, nên giải thích đồng nghĩa sở ngôn đồng người. Ba thừa đồng, pháp thân bình đẳng, nên gọi là đồng.

Hỏi: Vì sao nói đồng nghĩa?

Đáp: Trước tuy nói “vô thượng nhưng” chỉ Phật còn những hạng người khác thì không nên nói người bà thừa cùng một pháp thân.

Hỏi: Vì sao giải thích là đồng nghĩa?

Đáp :Nói đồng có nghĩa pháp thân nên giải thích là đồng, như kinh chép v.v...trở xuống là thứ hai dẫn kinh.

Như kinh chép: Phật muốn chỉ bày tri kiến Phật cho chúng sinh nên Ngài xuất hiện ở đời.

Pháp thân bình đẳng là thứ ba giải thích kinh pháp thân bình đẳng: Phật tánh, pháp thân không có gì khác. Phật tánh pháp thân không có gì nhau, cũng gọi là Phật tánh cũng gọi là Pháp thân, Phật tánh và pháp thân không khác. Người ba thừa Phật tánh đồng có, pháp thân đồng, nên nói không khác. Trong nghĩa vô thượng bậc nhất nói Phật được thanh tịnh là chân như vô cấu, nay nói đồng nghĩa là chân như hữu cấu. Luận Phật tánh dùng vô cấu chân như làm đồng tướng, hữu cấu chân như làm tướng đẹp, vì vô cấu thù thắng ở trong hữu cấu nên gọi là cao siêu. Nghĩa bất tri như v.v...trở xuống là

3. Giải thích nghĩa ngộ văn chia thành ba: 1/ Nêu, 2/ Giải thích, 3/ Dẫn kinh.

Nghĩa bất tri: Hỏi Vì sao giải thích ngộ mà gọi là bất tri?

Đáp :người Hai thừa không biết giúp cho biết, nên giải thích là ngộ, đồng với bất tri ở trên, nay trình bày giúp cho đồng với tri, vì sao ở đây lại khác?

Đáp :Ở trên chỉ chấp nhận đồng nghĩa, nay nói chỉ nhất Phật thừa chân thật rốt ráo, nên khác với ở trên, tất cả Thanh Văn v.v... trở xuống là thứ hai giải thích nghĩa bất tri: Tất cả Thanh Văn, Bích chi Phật không thể biết được chỗ chân thật ấy nên. Ở đây nói các Thanh Văn không biết rốt ráo, chỉ là nhất Phật thừa biết đầu tiên là giải thích. Từ

chỗ không biết chân thật là, truyện giải thích, như kinh trở xuống là thứ ba. Dẫn kinh: như kinh chép Phật muốn cho chúng sinh ngộ được tri kiến Phật, nên xuất hiện ở đời.

Phật muốn cho chúng sinh chứng được địa vị không lui sụt, như giải thích thứ tư là nhập cũng có ba: 1/ Nêu, 2/ giải thích, 3/ dẫn kinh.

Nghĩa của nhân là muốn cho chúng sinh chứng được địa vị không lui sụt, trong kinh gọi là nhập, luận gọi là chứng, vì nhập tức là chứng. Giúp cho chúng sinh không lui sụt: đã chứng được pháp thân thì không lui sụt vì muốn nói lên trí nghiệp vô lượng. Là thứ hai, Giải thích: Vì nói lên cho trí nghiệp vô lượng, nên khiến chúng sinh chứng được pháp thân không lui sụt, vì muốn nói lên cho trí nghiệp vô lượng là dụng.

Thủ chứng không lui sụt: Muốn nói lên trí nghiệp vô lượng này là dụng, cũng được trí nghiệp vô lượng. Trong kinh giải thích nhập đạo tri kiến Phật, Đạo là Nghiệp, như kinh v.v... trở xuống là thứ ba dẫn kinh: Như kinh chép: Phật muốn cho chúng sinh nhập tri kiến Phật nên ứng hiện ở đời.

Hỏi: Vì sao nói bốn không nhiều, không ít, lại bốn này thứ lớp ra sao?

Đáp :Ban đầu nói mở là khai mở pháp thân Chư Phật mười phương, như trước nói khai thị pháp thân thanh tịnh của Như lai để cho chúng sinh sinh lòng tin, nên thứ nhất trước là nói chữ khái này. Dù khai mở pháp thân chư Phật mười phương nhưng, hoặc nói chỉ có Chư Phật mới có pháp thân, người Hai thừa không có, Phật được thành Phật, người Hai thừa không thành Phật, cho nên nói người Ba thừa đồng có pháp thân này, đồng thành Phật. Dù nói Ba thừa đồng pháp thân, nhưng người Hai thừa không biết đồng một pháp thân, nên nói ngộ chỉ một không hai. Đã ngộ chỉ một không hai, thì chỉ có con đường tiến không có đường lui, nên nói hạng người này, đây là bốn thứ vô nghĩa không chấp nhận, cho nên không được nhiều ít, chính là thứ lớp.

Thị: trên đây tất cả đều giải thích bốn pháp là y theo người Hai thừa. Từ đây về sau tất cả ba đều giải thích lại. Hễ theo người Ba thừa, 1/ Bồ-tát, 2/ ngoại đạo, 3/ Hai thừa. Theo Bồ-tát thì lại có Ba thừa, một là Bồ-tát hữu nghi, giải thích lại nghĩa nói lên.

Thị: Vì các Bồ-tát còn tâm nghi, giúp cho họ biết được tu hành như thật.

Bồ-tát nghi: Phật nói là vì một việc nhân duyên lớn mà xuất hiện ở đời, khi xưa là nói theo việc Năm thừa nên xuất hiện ở đời, tức nay

và trái nhau xưa, nên còn nghi. Cho nên nay nói xưa vì phương tiện nên nói năm, vì nói theo lý nên cuối cùng chỉ một sự, vì đồng pháp thân nên Bồ-tát dứt nghi, nên được tu hành đúng như thật.

Ngộ nhập: Thứ hai là hợp thành hai thứ Bồ-tát. Ngộ nhập là người chưa phát tâm Bồ-đề làm cho họ phát tâm, người đã phát tâm thì khiến họ nhập pháp. Đã đồng một pháp thân, thì chỉ nên phát một tâm Phật, không nên phát tâm khác. Làm cho những người chưa phát tâm Bồ-đề, phát tâm Bồ-đề, chỉ có một không khác, là chỉ tiến tới không lùi bước, nên người đã phát tâm thì làm cho nhập pháp.

Hỏi: Bồ-tát Ba thừa khác nhau thế nào?

Đáp : Khi xưa Ba thừa là Bồ-tát bậc trung, sau Hai thừa này là Nhất thừa Bồ-tát trong.

Lại Ngộ nhập: Giúp cho các chúng sinh ngoại đạo phát sinh giác ngộ.

Nói về Ngộ Đã chỉ một Phật đạo tức ngộ vô ngã, chín mười sáu là ngoại đạo quy y Phật đạo, nên nói ngộ.

Lại Nhập: Ngài làm cho các Thanh Văn được quả Tiểu thừa nhập đại Bồ-đề, giúp cho người Hai thừa hồi tâm Tiểu thừa, nhập đại Bồ-tát, là nhập Thập Tín vị, là tâm Bồ-đề.

Giúp cho trụ: là giải thích nghĩa Trụ thứ tư, văn chia làm hai: 1/ Nêu, 2/ dẫn kinh khiến cho trụ đã nói chỉ có một Phật thừa, không có thừa nào khác. Tức giúp cho người Hai thừa trụ ở Phật thừa, không trụ thừa nào khác, nên nói là Trụ. Hơn nữa giải thích ý môn của Phật, nên nói là Nhất thừa, vì Phật muốn cho tất cả chúng sinh trụ nhất Phật thừa.

Ở dưới Như kệ chép Phật tự trụ Đại thừa, như được sức định huệ trang nghiêm, dùng đây độ chúng sinh. Phật đã trụ Đại thừa lại muốn cho chúng sinh trụ chỗ Phật đã trụ, nên nói giúp cho chúng sinh được trụ. Cũng như kinh Niết-bàn chép: lại Có một hạnh là hạnh Như lai, gọi là Đại thừa Đại bát Niết-bàn. Phật trụ trong Đại Niết-bàn nói pháp cho chúng sinh nghe, làm cho chúng sinh được trụ.

Như Kinh chép: này Xá-lợi-phất! Phật chỉ dùng Nhất thật thừa nói pháp cho chúng sinh nghe.

Nương pháp: Thứ năm là giải thích, văn chia làm ba: 1. Nêu, 2. Dẫn kinh, 3. giải thích kinh.

Nương pháp: là Nương pháp là, nương vào pháp Phật ba đời để nói pháp, nên nói à nương pháp, cũng là pháp như thị, nên nói là nương pháp.

Hỏi: Nói nương pháp, lấy văn nào làm chứng?

Đáp: Văn trước nói: này Xá-lợi-phất Tất cả pháp của Chư Phật mười phương đều như vậy. Luận chủ dùng văn này chứng minh, như kinh chép v.v...trở xuống là thứ. Dẫn kinh văn chia làm hai: 1/ Dẫn chứng chương quá khứ Phật. Như kinh chép: này Xá-lợi-phất, chư Phật quá khứ nói pháp vô lượng vô số phương tiện, các thứ nhân duyên thí dụ, phương tiện niệm quán đều là nhất Phật thừa, như vậy v.v...

Như vậy vân vân: các chúng sinh này nghe pháp Phật nói rồi, đức Thích Ca cũng đồng như thế đều là Nhất Phật thừa, trí nhất thiết chủng.

Nói thí dụ: là thứ ba Giải thích kinh gồm giải thích bốn câu: 1/ giải thích các thí dụ, 2/ giải thích nhân duyên, 3/ giải thích quán niệm, 4/ giải thích phương tiện. Văn chia làm ba: 1/ Nêu thí dụ, 2/ giải thích thí dụ, 3/ kết thúc thí dụ. Nói về thí dụ: Như nhờ bò nên có sữa, v.v...trở xuống là thứ hai. Giải thích thí dụ văn chia làm hai: 1/ khai thí 2/ hợp thí.

Như nhờ bò nên có sữa, lạc, bơ sống, bơ chín cho đến đề hồ, trong năm năm vị này đề hồ là bậc nhất. Khai là dụ cho năm vị sinh nhau. Tiểu thừa như sữa, Đại thừa như đề hồ. Là thứ hai. Hợp thí dụ: Tiểu thừa như sữa, Đại thừa như đề hồ. Thí dụ này chỉ nói Đại thừa Vô thượng, các Thanh Văn, v.v... cũng đồng với nghĩa Đại thừa Vô thượng, nên Thanh Văn đồng. Trong đây trình bày tánh của pháp thân Chư Phật, Như lai đồng với pháp thân của phàm phu. Thanh Văn, Bích-chi-phật bình đẳng không khác nhau. Lược hợp hai vị, nghĩa là Tiểu thừa như sữa, Đại thừa như đề hồ, thí dụ này nói Đại thừa là vô thượng trong, nương vào hợp vị chỉ nhận lấy một vị làm thí dụ, cho rằng kinh này chỉ nói Đại thừa Vô thượng nên thí dụ đồng với đề hồ.

Các Thanh Văn v.v... cũng đồng với Đại thừa: Ở trên giải thích chỉ nói Đại thừa Vô thượng, các Thanh Văn đồng giải thích ở sau. Trong các Thanh Văn cũng đồng với nghĩa Đại thừa, đây là trình bày thí dụ ở dưới.

Hợp pháp: Hỏi :Trình bày thí dụ này, hợp đúng một vị dụ cho ý nghĩa vì tất cả chúng sinh đồng một pháp thân bình đẳng nên gọi là nhất vị kinh nào hợp thí dụ đủ năm vị này?

Đáp: Kinh Niết-bàn chép: “Như nhờ bò có sữa, từ sữa có bơ, từ bơ có bơ sống, từ bơ sống có bơ chín, từ bơ chín có đề hồ. Như vậy Phật nói ra mười hai bộ kinh, từ mười hai bộ kinh có Tu-đa-la, từ Tu-đa-la có kinh Phương Đẳng, từ kinh Phương Đẳng có kinh Bát-nhã-Ba-la-mật, từ Ba-nhã-Ba-la-mật có Đại Bát Niết-bàn, đề hồ dụ cho Niết-bàn. Nay

kinh này dụ đề hồ với pháp thân bình đẳng, nên biết kinh Pháp Hoa, niết bàn nói không hai nghĩa. Nghĩa nhân duyên đã nói ở trước: Nhân duyên như trước đã nói;, nhân duyên đã nói ở trước chỉ cho sáu môn ở trước, giải thích thuyết môn thứ hai trong, nói niệm quán v.v...trở xuống; là. Giải thích thứ ba, đầu tiên là nhắc lại, kế là giải thích.

Nói niệm quán: Trong giải thích trước là nói về của người Tiểu thừa quán vô ngã. Trong đế của Tiểu thừa nhân vô ngã v.v... kế là giải thích của Đại thừa quán hai vô ngã. Trong Đại thừa đế pháp tánh thật tế, pháp giới chân như và người vô ngã, pháp cũng vô ngã quán các thứ cũng vậy, văn trình bày dễ hiểu. Nói phương tiện là giải thích thứ tư, trước nhắc lại sau giải thích.

Nói Phương tiện: Trong giải thích trước nói phương tiện Tiểu thừa, sau giải thích phương tiện Đại thừa. Trong Tiểu thừa quán ấm giới, nhập nhàm chán khổ, lìa khổ được giải thoát.

Quán ấm, giới, nhập nhàm chán lìa khổ, là thấy đạo bảy phương tiện trước của.

Lìa khổ được giải thoát: nhờ khởi đủ các phương tiện nên được giải thoát Trong Đại thừa, các Ba-la-mật là giải thích phương tiện Đại thừa. Trong Đại thừa, các Ba-la-mật là pháp đối trị được lợi ích thức liễm cho mình và người bằng bốn nhiếp pháp. Trong Đại thừa phương tiện vào đạo bằng sáu độ, vì pháp đối trị lợi ích thức liễm cho mình và người bằng bốn nhiếp pháp, là phân biệt và khác với Tiểu thừa. Giải thích khởi phương tiện Tiểu thừa là chỉ khiến tự thân được giải thoát. Đại thừa dùng bốn pháp nhiếp để giúp, cho mình và người được trụ lý.

Pháp đối trị: là phương tiện cũng là trụ lý, Ngăn: là giải thích môn trong thứ sáu sáu môn văn chia làm ba: 1/ Nêu, 2/ Dẫn kinh, 3/ giải thích kinh. Ngăn: chỉ cho nhất Phật thừa, ngoài Nhất thừa không còn thừa nào khác nên gọi là Ngăn, như kinh chép: v.v...trở xuống là thứ.

Hai Dẫn kinh: Như kinh chép: này Xá-lợi-phất trong các thế giới ở mười phương không có hai thừa, huống chi có ba thừa, như thế v.v... không có hai thừa: Thứ ba là giải thích kinh.

Hỏi : Vì sao không có hai thừa, ba thừa, tại sao nay chỉ giải thích không có hai thừa.

Đáp : Vì trong kinh cho người Duyên giác là Hai thừa, Thanh Văn là Ba thừa, thì hai và ba đều là Hai thừa, nên nay giải thích hai thừa, là giải thích không hai, không Ba. Theo văn luận này thì Thừa chính là quả, cho quả Tiểu Thừa Niết-bàn và quả Đại thừa Niết-bàn là hai thừa

đại tiểu. Văn có bốn câu.

1/ Là nói không có Niết-bàn Tiểu thừa.không có Hai thừa, là không có Hai thừa được Niết-bàn chỉ có Phật, Như lai như giải thích ở sau.

2/ Nói Có Niết-bàn Đại thừa: chỉ có Phật Như Lai chứng được Đại thừa rất ráo đầy đủ tất cả trí tuệ, gọi là Đại Niết-bàn, chẳng phải các Thanh Văn v.v...trở xuống. Là thứ

3/ Nói không có Niết-bàn Tiểu thừa: chẳng phải các Thanh Văn, Bích-chi-phật có pháp Niết-bàn, chỉ có nhất Phật thừa.

Chỉ có nhất Phật thừa: Đưa ra chỉ có một, giải thích không có Niết-bàn hai thừa. Nhất Phật thừa v.v...trở xuống là thứ

4/ Chỉ có Niết-bàn Đại thừa: Nên biết Đại thừa nương vào bốn nghĩa, là bốn nghĩa khai, thị, ngộ, nhập ở trên. Nếu nương vào sáu thứ này thọ ký cho người, thì chương trước có ba: 1/ Nêu sáu môn, 2/ giải thích sáu môn, 3/ kết thúc sáu môn, chương hai đã trình bày. Xong nay thứ ba là

Kết: Như lai nương vào sáu thứ này thọ ký, nên nói pháp gì trước đã giải thích ở sau. Trong việc thọ ký có hai: 1/ Nêu sáu môn nói về thọ ký, 2/ Dẫn năm pháp trước đã chứng minh cho sáu môn, chương đầu đã giải thích. Nay thứ hai

Dẫn chứng năm pháp để chứng minh cho sáu môn. Sở dĩ dẫn chứng vì gồm có hai nghĩa:

1/ Giải thích nghi. Nghi làm sao biết được chương chánh thuyết này có sáu môn? Nên giải thích: Phật nói năm pháp nhiếp sáu môn, vì thế, nên biết có sáu môn.

2/ Nói năm pháp là pháp do Phật nói cho chúng sinh nghe. Nay sáu môn này cũng là pháp nói cho chúng sanh nghe, nên nói sáu môn. Kế dẫn năm pháp

Văn chia làm hai: 1/ Dẫn năm pháp, 2/ Dùng Năm pháp nhiếp sáu môn, nên trước nói pháp gì? Thế nào là pháp thế nào là tự pháp, thế nào là tướng pháp, thế nào là thể pháp, thế nào là nói lên, như phần đầu của văn.

Gồm những pháp nào? Là Thứ hai là dùng năm pháp gom nhiếp sáu pháp. Lại dùng gồm những vào pháp thứ nhất gồm nhiếp pháp chưa từng nghe. thứ nhất

Gồm những pháp nào: là pháp chưa từng nghe thế nào là, pháp nào gom nhiếp thuyết môn thứ hai.

Thê nào là Pháp: là nói các ngôn từ thí dụ.

Thế nào là Pháp tướng tự: gom nhiếp nương nghĩa pháp nào thứ ba.

Thế nào là Pháp tướng tự: chỉ là một việc lớn. Pháp tướng nào gom nhiếp khiến trụ nương pháp thứ năm.

Pháp tướng nào: Tuỳ theo căn khí chúng sinh nói pháp chư Phật. Tuỳ theo căn khí chúng sinh là khiến trụ thứ tư. Nói pháp Chư Phật là nương vào pháp thứ năm.

Thế pháp nào: gom nhiếp già thứ sáu vẫn chia làm hai: 1. Nói pháp thân bình đẳng là thể Nhất thừa.

Pháp thế nào: Chỉ cho thể Nhất thừa. Thể nhất thừa là pháp thân bình đẳng của Như lai. Các Thanh Văn kia v.v...trở xuống: là. Nói Hai thừa chẳng phải thể nhất thừa. Các Thanh Văn, Bích-chi-phật kia chẳng phải là thể pháp thân bình đẳng vì nhân quả hạnh quán khác nhau. Nhân quả hạnh quán khác nhau thì giải thích ở Hai thừa không có nghĩa thể Nhất thừa. Theo Hai thừa nhân quả quán hạnh không có pháp thân bình đẳng, bảy phương tiện là nhân, chân thánh vị là quả. Hạnh là sở hành bốn đế các pháp của Hai thừa, quán là người quán vô ngã, vì bốn nghĩa này khác với Đại thừa chẳng, nên Hai thừa có thể của pháp thân bình đẳng.

Hỏi :Thế nào là pháp thân bình đẳng là thể của Nhất thừa?

Đáp :Thừa có ba thứ: 1. Tánh thừa, 2. Tuỳ thừa, 3. Thừa được. Tánh thừa là pháp thân chân như. Chính yếu là do có pháp thân chân như sau đó tu muôn hạnh nên gọi là tuỳ Thừa, chứng được quả Phật gọi là Thừa được. Vì tánh thừa là căn bản nên nói là thể Nhất thừa. Từ đây về sau, giải thích phẩm Phương Tiện chương dứt nghi thứ năm trong, là trong kinh giải thích Chư Phật, Như lai xuất hiện ở đời năm trước đã xong phần văn xuôi, vẫn chia làm hai: 1. nói chung là dứt bốn nghi, 2. giải thích riêng vẫn chia làm ba: 1/ Nói chung pháp Phật nói để dứt bốn nghi. Dưới đây là. Như lai nói pháp để dứt bốn nghi. Nên biết bốn nghi ấy là v.v... trở xuống là thứ hai nêu riêng bốn nghi, bốn nghi ấy là: 1/ Khi nào nói, 2/ Làm sao biết được người tăng trên mạn, 3/ Thế nào là có khả năng nói, 4/ Thế nào là Như lai không thành nói dối. Khi nào nói v.v...trở xuống là.

Thứ ba Giải thích dứt bốn nghi, thì thành bốn thứ khác nhau: Trong mỗi pháp chia làm hai, 1/ Nhắc lại nghi, 2/ Dẫn kinh giải thích nghi ban đầu.

Khi nào nói: chư Phật, Như lai khi nào nói các thứ phương tiện. Khi nào nói: Lúc này là kiếp vẫn đục. Nghi ý nói: Phật khi nào khởi

phương tiện Đại thừa. Vì dứt nghi kia v.v...trở xuống là

Thứ hai dẫn kinh giải thích nghi: vì dứt nghi kia, như trong kinh Phật bảo Ngài Xá-lợi-phất: Chư Phật xuất hiện ở đời có năm thứ vẫn đục đó là vẫn đục về thời kiếp, khi nói đời năm thứ vẫn đục là khởi phương tiện Ba thừa, là dứt nghi thứ nhất. Trong nghi thứ hai cũng có hai: 1/ Nói về nghi, 2/ Dẫn kinh giải thích nghi.

Làm sao biết được người tăng trên mạn. Đức Như lai không nói pháp cho người tăng trên mạn nghe. Làm sao biết người kia là tăng thượng mạn? Ý nghi rằng: “ Phật không nói pháp cho người tăng trên mạn nghe, vì người tăng trên mạn chưa được rớt ráo mà tự nói được rớt ráo, không thọ nhân lời Phật. Làm sao biết được người tăng trên mạn? Vì muốn dứt nghi ấy nên kinh chép v.v...là thứ hai giải thích nghi.

Vì dứt nghi ấy nên kinh chép: nếu có Tỳ kheo thật chứng quả La-hán mô không tin pháp này thì không có việc đó, như thế v.v.... Nếu có Tỳ kheo thật chứng quả La Hán thì tin pháp này, chẳng phải tăng trên mạn. Nếu người nghe pháp này không tin thì chẳng phải A-la-hán, là tăng trên mạn. Thế nào là có khả năng nói pháp: giải thích nghi thứ ba: 1/ Nhắc lại nghi, 2/ Dẫn kinh giải thích nghi.

Thế nào là người có khả năng nói pháp? Như người nghe pháp Phật khởi tâm muốn gần Phật. Thế nào là Như lai không thành công, không có khả năng nói pháp cho người? Nghi rằng: Phật là người có khả năng nói pháp nhưng họ nghe pháp Phật mà khởi tâm chê bai, thì biết Phật không chịu nói pháp cho họ, vì dứt nghi này v.v...trở xuống là.

Thứ hai Dẫn kinh giải thích nghi : vì dứt nghi này, như kinh chép: “Trừ sau khi Phật diệt độ, không có Phật hiện tại như vậy v.v.... Gặp Phật nghe pháp thì thật không khởi tâm chê bai, nếu Phật biết chê bai thì không nói, trừ khi Phật diệt độ, hiện tại không có Phật, nghe pháp này không tin, chẳng phải lỗi của Phật. Hỏi Thế nào là hạng người sau khi Phật diệt độ nghe pháp chê bai?

- Sau khi Phật diệt độ, bậc A-la-hán chân thật thì khi nghe nói pháp Nhất thừa sẽ không khởi tâm chê bai. Nếu người khởi tâm chê bai thì đây là phạm phư.

Thế nào là Như lai không thành nói dối là?

Giải thích dứt nghi thứ tư, trước đã trình bày về nghi. Là thứ hai

Dẫn kinh giải thích nghi. Thế nào là Như lai không thành nói dối: vì ở đây cho rằng xưa kia Như lai nói pháp khác, nay nói pháp khác. Thế nào là Như lai không thành nói dối? Nghi rằng: xưa, Như lai nói có

Ba thừa, nay nói không có Ba thừa, trước sau trái nhau nên họ nói Như lai nói dối. Để giải quyết nghi trên, v.v...trở xuống là.

Thứ hai Dẫn kinh giải thích nghi: Vì để giải quyết mối nghi này, như kinh chép : này Xá-lợi-phất! các thầy phải nhất tâm tin hiểu lời Phật. Chư Phật, Như lai nói không lường dối, không có thừa nào khác, chỉ có Nhất thừa. Chỉ có Nhất thừa không có thừa nào khác: một là nói thật, ba là phương tiện nói, nên Như lai không nói dối, cho đến đồng tử chơi giỡn đắp tháp Phật bằng cát. Trên đây là giải thích kinh văn xuôi. Nay giải thích kệ nên văn chia làm hai: 1/ giải thích một bài kệ, 2/ giải thích các bài kệ khác. Phần đầu văn chia làm hai: trước nhắc lại kệ, nói từ khi phát tâm Bồ-đề v.v...trở xuống là giải thích kệ, cho đến đồng tử đắp tháp Phật bằng cát để vui đùa những người như thế cũng được thành Phật đạo. Kệ chia làm hai: Nói về tâm Bồ-đề hạnh Bồ-đề. Nghĩa là phát tâm Bồ-đề hành đạo Bồ-tát thì tạo gốc lành mới chứng được Bồ-đề.

Hai gốc lành này có công năng chứng được quả Phật, chẳng phải các phàm phu v.v...trở xuống, đây là nói phàm phu và quyết định Thanh Văn.

Như các phàm phu và quyết định Thanh Văn xưa nay chưa phát tâm Bồ-đề thì chẳng thể được. Hai gốc lành này không thành Phật được, như thế cho đến hơi cúi đầu v.v... trở xuống là thứ hai so sánh giải thích kệ khác.

Như thế cho đến hơi cúi đầu v.v...đều cũng như thế.

Hỏi :Tất cả gốc lành đều thành Phật, vì sao chỉ nói phát tâm lành Bồ-đề mới được thành Phật?

Đáp :Ý Phật dù tu tất cả điều lành, nhưng phải biết tâm Bồ-đề, lại mượn những điều thiện làm nhân duyên phát tâm Bồ-đề, sau cùng phải phát tâm Bồ-đề. Tâm Bồ-đề là tâm Phật, phát tâm Phật mới được thành Phật. Tôn giả Xá-lợi-phất nói kệ. Trên đây là giải thích xong phẩm Phương Tiện. Hậu học Sa- môn Thật Quán Thiên Thai Nhật Đông phân hội Pháp Hoa Luận Sở quyển trung hết.

